

MINERVA

CHẠM THẬT ÊM ÁI,
CHẠM BẬT NIỀM VUI



BẢNG GIÁ
Price list 04/2019

nanoco

BỀN BỈ THEO THỜI GIAN



LED DOWNLIGHT



LED DOWNLIGHT
SIÊU MỎNG



LED BULB TRỤ



19006711



Zalo



Youtube



Website



MINERVA

T.1



HALUMIE

T.2



WIDE SERIES

T.3-6



REFINA

T.7



GEN-X

T.8



FULL-COLOR

T.9-10



Ố CẤM AM SÀN

T.10



TỦ ĐIỆN

T.11



HỘP NỐI, HỘP ÂM

T.12



CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

T.13



CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN

T.14



MCCB / ELB / HB

T.15



MÁY LỌC
KHÔNG KHÍ

T.16



QUẠT HÚT

T.17-18



QUẠT TRẦN

T.19-20



LED DOWNLIGHT

T.21-23



ĐÈN PHA FLOOD LIGHT/
LED ỐP TRẦN/ LED DÂY

T.24-25



MÁNG ĐÈN/
BÓNG ĐÈN LED T8

T.26



ĐÈN TRẦN LED

T.27-31



ĐÈN TREO BÀN ĂN

T.32-33



ĐÈN TRANG TRÍ/
ĐÈN TƯỜNG

T.34



ĐÈN TRANG TRÍ
NGOÀI TRỜI LED

T.35-39



ĐÈN BÀN
LED

T.40



QUẠT ĐIỆN

T.41-42



MÁY BƠM

T.43



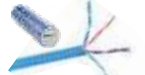
MÁY
NƯỚC NÓNG

T.44



BẾP ĐIỆN TỬ

T.45



DÂY CÁP/
BẢNG KEO CÁCH ĐIỆN

T.46



ỐNG THẰNG & ỐNG MỀM
PHỤ KIỆN

T.47-48



PCE

T.49-50

Hotline: 0909 840 028

Website: www.nanoco.com.vn
Email: info@nanoco.com.vn

Mặt tiếp xúc lớn, không viền

Tối đa hóa không gian vận hành nhờ loại bỏ sự gò bó của khung viền. Tạo cảm giác vận hành hoàn hảo.



Góc đảo chiều. Bật/Tắt nhỏ

Thiết kế giúp công tắc thanh mảnh thích nghi với toàn bộ ngôi nhà.

Tổng quan thiết kế

Tạo sự đổ bóng hài hòa đẹp mắt với không gian của ngôi nhà.

Bề mặt mượt mà

Chất liệu cải tiến bóng mịn mượt mà.

Hài hòa không gian

Thiết kế góc cạnh mượt mắt. Loại bỏ tính mất tự nhiên và sự xoàng xĩnh.

WMT501-VN

Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh, 250V - 16A
Switch B, 1-way, 1 device with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

105.000



WMT502-VN

Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh, 250V - 16A
Switch C, 2-ways, 1 device with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

129.000

WMT594-VN

Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh, 250V - 16A
Switch E, 4-ways, 1 device with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

365.000

WMT503-VN

Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh, 250V - 16A
Switch B, 1-way, 2 devices with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

165.000

WMT504-VN

Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh, 250V - 16A
Switch C, 2-ways, 2 devices with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

199.000

WMT596-VN

Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh, 250V - 16A
Switch E, 4-ways, 2 devices with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

699.000

WMT505-VN

Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh, 250V - 16A
Switch B, 1-way, 3 devices with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

225.000

WMT506-VN

Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh, 250V - 16A
Switch C, 2-ways, 3 devices with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

239.000

WMT507-VN

Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, 250V - 16A
Switch B, 1-way, 4 devices with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

365.000

WMT508-VN

Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, 250V - 16A
Switch C, 2-ways, 4 devices with plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

439.000

WMT7811-VN

Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị
BS type plate for 1 device

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

65.000

WMT7812-VN

Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị
BS type plate for 2 devices

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

65.000

WMT7813-VN

Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị
BS type plate for 3 devices

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

65.000

WMT6891-VN

Mặt kín đơn
Cover plate

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

65.000

WMT707-VN

Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng
Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor

[] Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

2.500.000

Halumie



	WEVH5531/ WEVH5531-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	19.500		WEVH68010 Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH5521/ WEVH5521-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500		WEVH68020 Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH5511/ WEVH5511-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500		WEVH68030 Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH5532/ WEVH5532-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	44.000		WEVH680290 Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/2P MCB 1 gang center - 2 devices palte for WEV1181SW/2P MCB Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH5522/ WEVH5522-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	44.000		WEVH68910 Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH5512/ WEVH5512-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	44.000		WEVH8061 Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	18.000
	WEVH5542-7 Dùng với mặt WEVH68030 Công tắc C, 2 chiều, loại đôi 250VAC - 10A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	134.000		WEVH68040 Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	33.000
	WEVH5003 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	154.000		WEVH68060 Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	33.000
	WEVH5004 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	247.000		WEVH5151 - 51/WEVH5151-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	112.000
	WEVH5033-7 Có đèn báo Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	243.000		WEVH5152 - 51/WEVH5152-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	132.000
	WEVH5401-011 Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	67.000			



	<p>WEV5001SW/WEV5001-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	17.500
	<p>WEV5002SW/WEV5002-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C - 2 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	39.000
	<p>WEG5003KSW Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	139.000
	<p>WEG5004KSW Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	222.000
	<p>WEG5151-51SWK/WEG51517SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	102.000
	<p>WEG5152-51SWK/WEG51527SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	120.000
	<p>WEV5033-7SW Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	216.000
	<p>WEG5141SW Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	279.000
	<p>WEG5401-011SW Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	62.000
	<p>WEG575151SW Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W Loại có chức năng bật tắt Dimmer for Incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng</p>	299.000
	<p>WEF11721W8 Ổ cắm USB/USB Charger Input: AC220V / Output: 5V - 2A</p>	790.000
	<p>WEV1081SW/WEV1081-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	35.000
	<p>WEV1181SW/WEV1181-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	61.000
	<p>WEV1582SW/WEV1582-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng</p>	89.000
	<p>WEV1091SW Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	28.000
	<p>WEV2501SW Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	76.500
	<p>WEV2364SW Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng</p>	76.500
	<p>WEV2488SW WEV24886SW Ổ ắm data CAT5/ Ổ ắm data CAT6 Data modular CAT5/ Data modular CAT6 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	167.000 199.900
	<p>WEGP1041SW-1 Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 250V - 13A 1 - gang multiple socket (A type plate) Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng</p>	247.000
	<p>WEV1001SW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A Flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	28.000
	<p>WEG1090SW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	28.000

	WEG3020SW Nút trống Blank chip Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	9.800		WEG57912SW (Thời gian đặt hàng 4 tháng) Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	675.000
	WEG3023SW Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm Telephone wire chip dia 9mm/16mm Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	9.800		WEG6804SW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	32.000
	WEV68010SW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	16.000		WEG6806SW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	32.000
	WEV68020SW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	16.000		WEG7901 Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 1 device IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	217.000
	WEV68030SW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	16.000		WEG7902 Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 2 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	217.000
	WEV68910SW Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	16.000		WEG7903 Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 3 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	217.000
	WEV680290SW Mặt riêng cho WEV1181SW/2P MCB 1-gang center 2 devices plate or for WEV1181SW/2P MCB Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	16.000		WEG8981 Mặt có nắp che mưa Weatherproof plate - IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng	205.000
	WEV7061SW Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng	16.000	BS - TYPE		
	WBC8981SW Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho công tắc, có nắp che mưa IP43 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	175.000		WBC7010 Thiết bị chuyển tiếp 20A chuẩn BS, màu trắng Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng	134.000
	WBC8991W Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho ổ cắm, có nắp che mưa IP43 Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	192.000		WBC7020 Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS, màu trắng Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng	185.000
	WEB7811SW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900		WEB1111SWK Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A Receptacle - BS standard Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	109.000
	WEB7812SW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900		WEB7811MW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	37.000
	WEB7813SW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900		WEB7812MW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	37.000
	WEBP1041SW-P Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A 1 gang multiple socket (BS type plate) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	249.000		WEB7813MW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	37.000
				WBG8981 - P Mặt có nắp che mưa chuẩn BS Weatherproof plate (BS type plate), IP55 Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	205.000



WEV5001H/WEV5001-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B (1 - way)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

32.000



WEV1081H/WEV1081-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

44.000



WEV5002H/WEV5002-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C (2 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

56.000



WEV1181H/WEV1181-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

83.000



WEG5003KH
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A
Switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

196.000



WEV1582H/WEV1582-7H
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

121.000



WEG5004KH
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E (4 ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

299.000



WEV2501H
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/thùng

115.000



WEG5151-51KH/WEG51517H
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

129.000



WEV2364H
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

115.000



WEG5152-51KH
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

160.000



WEV2488H - CAT5
WEV24886H - CAT6
Ổ cắm data
Data modular
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

200.000

240.000



WEV5033-7H
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

269.000



WEG3020H
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

13.500



WEG5401-7H
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

95.000



WEG3032RH
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

129.000



WEG575151H
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn,
loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W
Dimmer for incandescent lamp, Off function type
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng

520.000



WEG57912H (Thời gian đặt hàng 4 tháng)
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh
độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED
bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng

770.000

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM



WEG6501 - 1
Dùng cho 1 thiết bị
1 device metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

72.000



WEG6503 - 1
Dùng cho 3 thiết bị
3 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

72.000



WEG6502 - 1
Dùng cho 2 thiết bị
2 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

72.000



WEG65029 - 1
Dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB
1-gang center 2 devices metal plate or for
WEV1181SW/ WEV1191SW/2P MCB only
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

72.000



WEG68010MB
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

26.000



WEG68010MW
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

26.000



WEG68020MB
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

26.000



WEG68020MW
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

26.000



WEG68030MB
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

26.000



WEG68030MW
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices color plate
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

26.000



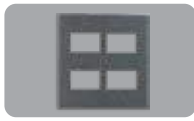
WEG680290MB
Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ 2P MCB
1-gang center 2 devices color plate or for
WEV1181SW/ 2P MCB only
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

26.000



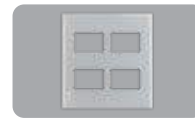
WEG680290MW
Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ 2P MCB
1-gang center 2 devices color plate or for
WEV1181SW/ 2P MCB only
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

26.000



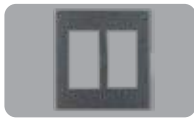
WEG6804MB
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

44.000



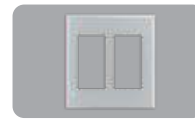
WEG6804MW
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

44.000



WEG6806MB
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

44.000



WEG6806MW
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

44.000

CHUÔNG ĐIỆN



EGG331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói 20 cái/thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888

102.000



EBG888
Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB
Door chime
Đóng gói 10 cái/thùng

175.000

Ổ CẮM CÓ DÂY



WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 250VAC - 16A
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

970.000



WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 250VAC - 16A
Extension cord 6 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

720.000



WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 250VAC - 16A
Extension cord 5 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

790.000



WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 250VAC - 10A
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 10 cái/thùng

399.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/BÁO CHÁY

Độ nhạy cao: Đầu dò với thiết bị cảm ứng Napion sản xuất theo công nghệ Panasonic.
Tuổi thọ cao: Thiết kế chức năng bật tắt 100.000 lần ở chế độ toàn tải.



Loại gắn nổi

WTKG2311
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Sản xuất tại Đài Loan
Chế độ hẹn giờ tắt
10 giây - 30 phút

2.420.000



Loại âm trần

WTKG2310 - P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Chế độ hẹn giờ 60 giây
Sản xuất tại Thái Lan
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút

1.120.000



Sản xuất tại Thái Lan

WTKG2411 - P
Sensor chính
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Bóng đèn sợi đốt 660W - Bóng đèn huỳnh quang 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1000 lux

1.500.000



WTKG2911 - P
Sensor phụ
Chỉ kết nối với WTKG2411 - P
Không kết nối với đèn

900.000



Lắp trần và tường

SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Sản xuất tại Nhật Bản

930.000



Refina MÀU

	<p>WEG55317MB Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>41.000</p>		<p>WEG55327MB Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>72.000</p>
	<p>WEG55317MW Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>41.000</p>		<p>WEG55327MW Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>72.000</p>

Refina TRẮNG

	<p>WEV5531SW/ WEV5531-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>32.000</p>		<p>WEV5532SW/ WEV5532-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>59.000</p>
	<p>WEV5521SW/ WEV5521-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng</p> <p>32.000</p>		<p>WEV5522SW/ WEV5522-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng</p> <p>59.000</p>
	<p>WEV5511SW/ WEV5511-7SW (Cắm nhanh, Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng</p> <p>32.000</p>		<p>WEV5512SW/ WEV5512-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng</p> <p>59.000</p>
	<p>WEC5542-7SW Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Switch C - 3 ways Dùng với mặt WEV68030SW Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>135.000</p>		<p>WEV5533-7SW (Bắt vít) Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>259.000</p>

CHUYÊN DỤNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

	<p>WEG3032R-021 Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A "Do not disturb" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>139.000</p>		<p>WEB1051W Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu Shaver socket build switch In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng</p> <p>1.460.000</p>
	<p>WEG3032G-031 Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A "Please clean up" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p> <p>139.000</p>		<p>WEB5781WK Công tắc thẻ / Card Switch 220VAC - 16A Hàng không có sẵn Đặt hàng trước 4 tháng</p> <p>1.650.000</p>



Gen-X A-TYPE

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO



WTEGP51552S - 1 - G
 Bộ 1 công tắc có đèn báo
 Illuminated switch "C", 3 - ways
 1 - device with plate

760.000



WTEGP52562S - 1 - G
 Bộ 2 công tắc có đèn báo
 Illuminated switch "C", 3 - ways
 2 - devices with plate

1.290.000



WTEGP53572S - 1 - G
 Bộ 3 công tắc có đèn báo
 Illuminated switch "C", 3 - ways
 3 - devices with plate

1.920.000



WTEGP54562S - 1 - G
 Bộ 4 công tắc có đèn báo
 Illuminated switch "C", 3 - ways
 4 - devices with plate

2.570.000



WTEGP55582S - 1 - G
 Bộ 5 công tắc có đèn báo
 Illuminated switch "C", 3 - ways
 5 - device with plate

3.200.000



WTEGP56572S - 1 - G
 Bộ 6 công tắc có đèn báo
 Illuminated switch "C", 3 - ways
 6 - devices with plate

3.850.000



MẶT ĐỨNG



WTEG6503S - 1 - G
 Mặt đứng 3 thiết bị
 1 - gang, 3 - devices

460.000

BS - TYPE



WTFBP51552S-1-G
 Bộ 1 công tắc có đèn báo
 BS type
 Illuminated switch "C",
 3 ways, 1 device with plate

640.000



WTFBP52562S-1-G
 Bộ 2 công tắc có đèn báo
 BS type
 Illuminated switch "C",
 3 ways, 2 devices with plate

1.090.000



WTFBP53572S-1-G
 Bộ 3 công tắc có đèn báo
 BS type
 Illuminated switch "C",
 3 ways, 3 devices with plate

1.620.000



WTFB6503S-1-G
 Mặt đứng 3 thiết bị
 1 gang, 3 devices plate

390.000



WEV2501B
 Ổ cắm TV
 DIN type television terminal

124.000



WEV2364B
 Ổ cắm điện thoại 4 cực
 Telephone modular jack (6P4C)

124.000



WEV2488B
 Ổ cắm dạng CAT5
 CAT5E data
 Modular jack

248.000



WEG57912B-1
 Bộ điều chỉnh độ sáng cho
 đèn LED có chức năng điều
 chỉnh độ sáng (Max 8 đèn
 LED hoặc tổng công suất
 nhỏ hơn 50W)
 LED-Dimmer Switch for
 LED dimmable bulb (Max 8
 LED bulbs or less than 50W)
 Đóng gói 10 cái/hộp, 20
 cái/thùng
 Thời gian đặt hàng 4 tháng

790.000



WEG57816B - 1 - G
 Bộ điều chỉnh sáng tối
 500W, 220V
 Dimmer switch 220VAC, 500W

590.000



WEG57813B-1-G
 Bộ điều chỉnh sáng tối
 300W, 220V
 Dimmer switch 220VAC 300W

530.000



WEG15829B - G
 Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
 16A - 250V
 Grounding duplex universal receptacle
 With safety shutter 16A - 250V

130.000



WEG3020B - G
 Nút trống
 Blank chip

16.000

	<p>WNV5001-7W Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B(1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	12.000		<p>WNV1081-7W Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	29.000
	<p>WNG5021W-7 Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Twin Switch B, single pole Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	92.000		<p>WNV1091-7W Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	25.000
	<p>WNV5002-7W Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C(2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	34.000		<p>WNG159237W Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	74.000
	<p>WNG5003W-7 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 10A Switch D(2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	109.000		<p>WZV1201W Ổ cắm TV Television terminal 75 Ohm Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/thùng</p>	61.000
	<p>WNG5004W-7 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A Switch E(4 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	175.000		<p>WNTG15649W Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng</p>	76.000
	<p>WN5241W-801 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A Appellation glow switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	354.000		<p>NRV3160W Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5 Data modular jack RJ45 - CAT5 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng</p>	165.000
	<p>WNG5051W-751 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	102.000		<p>WNG5401W-7K Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	57.000
	<p>WNG5052W-751 Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	123.000		<p>WKG1092250 Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng</p>	50.000
	<p>WNG5343W - 761 Công tắc D có đèn báo Dùng cho máy nước nóng (có chữ) 250VAC - 20A Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng</p>	180.000		<p>WN3020W Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng</p>	9.900
	<p>WBG5414699W Công tắc D có đèn báo Dùng cho máy lạnh (có chữ) 250VAC - 20A Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng</p>	180.000		<p>WN3023W Lỗ ra dây điện thoại Telephone wire chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng</p>	9.900
	<p>WBG5414699W - SP Công tắc D có đèn báo Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) 250VAC - 20A Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng</p>	180.000		<p>WN10907KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn) 250VAC - 10A Round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	30.000
	<p>WBG5408699W Công tắc D có đèn báo Dùng cho bếp điện, máy nước nóng 250VAC - 45A Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng</p>	369.000		<p>WN1001-7KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp) 250VAC - 10A Flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	30.000
	<p>WSG3001 Công tắc B, 1 chiều, loại nổi Surface mounting switch B, single pole 250VAC - 10A Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng</p>	40.000		<p>WN11017W Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp) 250VAC - 10A Grounding flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng</p>	57.000

MẶT ĐẬY FULL COLOR



WZV7841W
Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



WZV7842W
Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



WZV7843W
Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



WZV7061W
Mặt góc vuông dùng cho HB
1 gang plate for HB breaker
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



WZV7844W
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gang - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

31.000



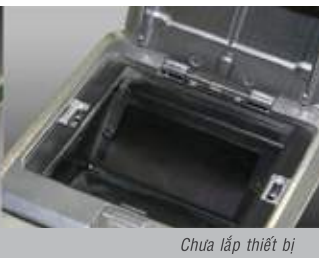
WZV7846W
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gang - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

31.000

Ổ CẮM ÂM SÀN (Loại 3 thiết bị)



Trạng thái đang sử dụng



Chưa lắp thiết bị



DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm hộp âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

1.020.000

Ổ CẮM ÂM SÀN (Loại 6 thiết bị)



Đóng

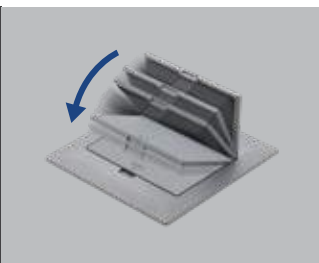


Mở



DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm hộp âm (54 x 120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box

1.700.000



DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm hộp âm (46x102x102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.

1.250.000

NEW



Ổ cắm âm sàn
Tự động đóng nắp
khi sử dụng

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ HỘP ÂM

(Loại lắp 3 thiết bị)

Quy cách hộp âm: 119 x 119 x 54mm



DU81931HTK-1
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Grounding duplex universal receptacle

820.000



DU8199HTK-1
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị), bao gồm đế âm
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

750.000

(Loại lắp 2 thiết bị)

Quy cách hộp âm: 102 x 102 x 45mm

Chất liệu: Nhựa tổng hợp









DU7199HTC-1
Ổ cắm âm sàn 2 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị), bao gồm đế âm
Floor outlet, blank for double device with cover unit

620.000

(* Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

nanoco TỦ ĐIỆN

	Mã số	Diễn giải	Số đường (Modules)	Kích thước (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDP104P	Tủ điện mặt nhựa, đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDP104	Tủ điện mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDP108P	Tủ điện mặt nhựa, đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDP108	Tủ điện mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp	176.000
	NDP110	Tủ điện vỏ kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
	NDP114	Tủ điện vỏ kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDP120	Tủ điện vỏ kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDP126	Tủ điện vỏ kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDP128	Tủ điện vỏ kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000

DIMMER



NDF603F/ NDL603F - Full
NDF603W/ NDL603W - Wide
FDL603FW - Full
FDL603W - Wide

- Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
- Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

63.500



NDL903F - Full/ NDL903W - Wide
FDL903FW - Full

- Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn
- Dimmer for incandescent lamp
- 220VAC - 1000W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

70.000

CẦU CHÌ



NF101W - Full/ NF101W - Wide
FF102W - Nano - Full/ FF102W - Nano - Wide

- Cầu chì - Fuse
- 220VAC - 10A
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

16.800

CÔNG TẮC THẺ



NCS7001

- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch -20A - 250V
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

800.000

ĐÈN BÁO



N302WF - Nanoco - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

N302WW - Nanoco - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

FXF302WW - Nano - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

FXW302W - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 160 cái/thùng)

- Đèn báo màu trắng

- Pilot lamp, white 220VAC

18.000



N302GF - Nanoco - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

N302GW - Nanoco - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

FXF302GW - Nano - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

- Đèn báo màu xanh

- Pilot lamp, green 220VAC

18.000



N302RF - Nanoco - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

N302RW - Nanoco - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

FXF302RW - Nano - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

FXW302R - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 160 cái/thùng)

- Đèn báo màu đỏ

- Pilot lamp, red 220VAC

18.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA



ME2592W

- Phích cắm 3 chấu
- Grounding plug
- 125V - 15A
- Đóng gói 10 cái/hộp

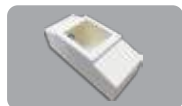
87.000

MẶT VÀ ĐAI SẮT DÙNG CHO HB



NS80
 - Đai sắt dùng cho HB
 - (Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
 - Frame for HB
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.000



NHB9801
 - Hộp nối dùng cho HB
 - Mounting surface plate for HB
 - Đóng gói 100 cái/thùng

8.000



NBD9802
 - Hộp nối dùng cho CB 2 tép
 - Wiring Box for MCB 2P
 - Kích thước: 121x54x69,47mm
 - Đóng gói 30 cái/thùng

18.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔ



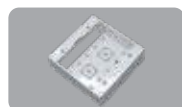
NBD200
 - Hộp âm cho CB tép
 - Wiring box for MCB
 - Kích thước: 115x66x58mm
 - Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng

9.000



NN101F/ FN101M - Full/ NN101W - Wide
 - Hộp nối đơn
 - Surface box
 - Kích thước: 120x70x35mm
 - Đóng gói 100 cái/thùng

10.500



NN102F - Full/ NN102W - Wide
 - Hộp nối đôi
 - Duplex surface box
 - Kích thước: 120x115x35mm
 - Đóng gói 60 cái/thùng

16.000



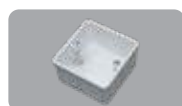
NA101
 - Hộp âm nhựa trắng, đơn
 - Wiring box - 1 gang
 - Kích thước: 106x64x43mm
 - Đóng gói 100 cái/thùng

6.200



NA102
 - Hộp âm đôi
 - Wiring box - 2 gang
 - Kích thước: 109x103x44mm
 - Đóng gói 60 cái/thùng

14.000



NA105
 - Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
 - Wiring box - BS Standard
 - Kích thước: 80x80x42,5mm
 - Đóng gói 100 cái/thùng

6.000



NA106
 - Hộp âm đôi dùng cho mặt đôi chuẩn BS
 (Dùng cho ổ cắm cao râu)
 - Wiring Box - BS Standard - Duplex
 (Compatible with Shaver Socket)
 - Kích thước: 135x75,6x58mm
 - Đóng gói 40 cái/thùng

18.000



NPCA104
 - Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
 - Wiring box
 - Kích thước: 131x106x42,5mm
 - Đóng gói 50 cái/thùng

14.000

HỘP NỔ DÂY



NPA10050V
 - Hộp nối dây 100x100x50mm
 - Wiring box
 - Đóng gói 30 cái/thùng

20.000



NPA12050V
 - Hộp nối dây 120x120x50mm
 - Wiring box
 - Đóng gói 30 cái/thùng

24.000



NPA15055V
 - Hộp nối dây 150x150x55mm
 - Wiring box
 - Đóng gói 20 cái/thùng

35.000



NPA20065V
 - Hộp nối dây 200x200x65mm
 - Wiring box
 - Đóng gói 10 cái/thùng

62.000



NPA103V
 - Hộp nối dây tròn
 - Round junction box
 - Đóng gói 60 cái/thùng

10.000

MẶT THIẾT BỊ



NBD101W
 - Mặt dùng cho 1 CB tép
 - Plate for 1p MCB
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



NB9601
 - Nắp kín đơn
 - Wiring box lid - 1 gang
 - Đóng gói 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000



NB9602
 - Nắp kín đôi
 - Wiring box lid - 2 gangs
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000



NA105-N
 - Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
 - Wiring box lid - BS Standard
 - Đóng gói 50 cái/bao, 700 cái/thùng

3.000



HỘP ÂM ĐÔI

SỬ DỤNG CHO CÁC LOẠI
 MẶT DÒNG WIDE SERIES,
 HALUMIE - FULL COLOR

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ



TB621018A7

Loại điện tử gắn thanh ray/hàng tuần
Cài đặt được ngay lễ
220 - 240VAC, 50-60Hz, 16A
50 chế độ cài giờ (25 bật - 25 tắt) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút
Có pin dự trữ 6 năm
50 operations, minimum setting time is 1 min
6 years reserve battery
Hàng không có sẵn - Thời gian đặt hàng: 4 tháng

2.090.000



TB2118E7

Loại điện tử / hàng ngày (24 giờ)
190 - 240VAC, 50-60Hz, 30A
4 chế độ cài giờ (2 bật - 2 tắt) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút
Có pin dự trữ 5 năm
4 operations, minimum setting time is 1 MIN
5 years reserve battery

1.320.000



TB178

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 15A
6 chế độ cài giờ - thời gian cài tối thiểu 30 phút
Không có pin dự trữ
6 operations, minimum setting time is 30 min
W/o battery

590.000



TB35809NE5

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 20A
96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Không có pin dự trữ
96 operations, minimum setting time is 15 min
W/o battery

710.000



Tự động quản lý

Thời gian và điện năng hiệu quả hơn



TB2128E7

Loại điện tử / hàng tuần
190 - 240VAC
50 - 60Hz, 30A
16 chế độ cài giờ (8 bật - 8 tắt)
Thời gian cài tối thiểu 1 phút
Có pin dự trữ 5 năm
16 operations, minimum setting time is 1 min
5 years reserve battery

1.320.000



TB118

SPST Type, 220 - 240VAC, 15A, 6 chế độ cài giờ.
Thời gian cài tối thiểu 30 phút. Có pin dự trữ 300 giờ
6 operations, minimum setting time is 30 min
C/w battery 300 hours

950.000

TB380N2457

Pin dùng cho TB118

190.000



TB38809NE7

SPST Type
220 - 240VAC, 15A
96 chế độ cài giờ
Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Có pin dự trữ 300 giờ
96 operations, minimum setting time is 15 min
C/w battery 300 hours

1.060.000

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground **178.000**
WK2320K 250V - 20A - 3P **210.000**
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground **620.000**
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black



WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground **325.000**
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground **690.000**
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black



WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle
250V - 30A - 3P **447.000**



WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground **152.000**
WF2320WK 250V - 20A - 3P **192.000**
WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground **475.000**



WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground **304.000**
WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground **610.000**
WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground **304.000**



WK6330 250V - 30A - 2P + Ground **922.000**
WK6430 250V - 20A - 3P + Ground **1.100.000**
Ổ cắm locking kín bụi
Weatherproof locking receptacle



WN1518R
Ổ cắm đôi có dây nối đất
Grounding flat pin receptacle
125V - 15A **263.000**



WN37008
Đại kim loại
Metal - Frame **13.600**



WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn
Đường kính 35.5/45.5mm
1 gang - 1 device aluminum plate
35.5 dia/45.5 dia **86.000**



WN7601-8 Mặt 1 kim loại
WN7602-8 Mặt 2 kim loại
WN7603-8 Mặt 3 kim loại
Stainless plate **88.000**



WN3040K-8
Trạm nối đất
Grounding - terminal **90.000**



WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground **109.000**
WF6320 250V - 20A - 3P **180.000**
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground **448.000**
Phích cắm locking/Locking Plug



WF6420 250V - 20A - 3P + Ground **210.000**
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground **480.000**
Phích cắm locking/Locking plug





WF4330
Phích cắm kín nước
Rubber plug
250V - 30A - 3P **631.000**





WNH5611-801
Công tắc thẻ (3 tiếp điểm)
Tablet switch (3 circuits)
250V - 10A **1.725.000**

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN - TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - MCB
MCB BD - 63:IEC 60898 STANDARDS MCB BD - 125:IEC 60947 - 2 STANDARDS

MCB 01 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	83.000
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
Đóng gói 48 cái/thùng	BBD1501CNV	50	197.000	
	BBD1631CNV	63		
Đóng gói 8 cái/thùng	BBD108011C	80	230VAC 10kA	710.000
	BBD110011C	100		780.000

MCB 02 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD2062CNV	06	240VAC 10kA 415VAC 06kA	240.000
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		
	BBD2322CNV	32		
	BBD2402CNV	40		
Đóng gói 24 cái/thùng	BBD2502CNV	50	397.000	
	BBD2632CNV	63		
Đóng gói 4 cái/thùng	BBD208021C	80	400VAC 10kA	1.410.000
	BBD210021C	100		1.550.000

MCB 03 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	425.000
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
Đóng gói 16 cái/thùng	BBD3503CNV	50	635.000	
	BBD3633CNV	63		
Đóng gói 2 cái/thùng	BBD308031C	80	400VAC 10kA	1.880.000
	BBD310031C	100		1.980.000

MCB 04 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD4064CA	06	415VAC 06kA	600.000
	BBD4104CA	10		
	BBD4164CA	16		
	BBD4204CA	20		
	BBD4254CA	25		
	BBD4324CA	32		
	BBD4404CA	40		
Đóng gói 12 cái/thùng	BBD4504CA	50	895.000	
	BBD4634CA	63		
Đóng gói 2 cái/thùng	BBD408041C	80	400VAC 10kA	2.910.000
	BBD410041C	100		3.110.000

RESIDUAL CIRCUIT BREAKER OVERCURRENT RCBO BẢO VỆ CHỐNG DÒNG RÒ & NGẮN MẠCH
/ 02 P - C CURVE.RCBO BDE-40, 63:IEC 61009 STANDARDS



Đóng gói
24 cái/thùng

Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VND)	Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VND)
BBDE20631CNV BBDE21631CNV BBDE22031CNV	06	30	06	570.000	BBDE22531CNV BBDE23231CNV BBDE24031CNV	25	30	06	610.000
	16								
	20								
BBDE25031CNV BBDE26331CNV	50	30	06	865.000	BBDE25031CNV BBDE26331CNV	50	30	06	865.000
	63								

Ngắt điện nhanh, độ bền cao,
an toàn cho thiết bị và người sử dụng



CẦU DAO TỰ ĐỘNG - KIỂU DIN










Ngắt điện nhanh hơn giúp hệ thống điện an toàn hơn và phòng ngừa hỏa hoạn.

Dòng điện chạy qua tiếp điểm ổn định hơn giúp giảm hao mòn tiếp điểm, tăng tuổi thọ cầu dao và thiết bị sử dụng điện.

Ba trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ Đóng điện/ Tắt điện/ Ngắt mạch.

CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MẠCH ĐIỆN TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - Molded Case Circuit Breaker - MCCB








IEC 60947-2 Standards

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA)		
			200 VAC	415 VAC	
MCCB 02 P - GD Series					
	BBW240SKY	40	10	2.5	880.000
	BBW250SKY	50			
DIN rail mounting (Gắn trên thanh ray)					
	BBW260Y	60	5	2.5	940.000
	BBW275SKY	75	50	25	1.720.000
	BBW2100SKY	100			
MCCB 03 P - GD Series					
	BBW310Y	10	2.5	1.5	690.000
	BBW315Y	15			
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			
	BBW340SKY	40	10	2.5	1.120.000
	BBW350SKY	50			
	BBW360SKY	60			
DIN rail mounting					
	BBW375SKY	75	50	25	2.200.000
	BBW3100SKY	100			
	BBW3125SKY	125	50	25	2.870.000
	BBW3150SKY	150			3.000.000
MCCB 03 P - GD Series					
	BBW3175KY	175	50	25	3.950.000
	BBW3200KY	200			
	BBW3225KY	225			
	BBW3250KY	250	50	25	6.300.000
	BBW3400KY	400	50	25	8.600.000

BỘ NGẮT MẠCH AN TOÀN HB-02P & ELB BẢO VỆ DÒNG RÒ-02P

Safety Breaker & Earth Leakage Breaker

JIS Standards

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions			Đơn giá Price (VNĐ)
	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA) 240VAC	
	BS11106TV	6	1	80.000
	BS1110TV	10	1.5	
	BS1111TV	15	1.5	
	BS1112TV	20	1.5	
	BS1113TV	30	1.5	
	BS1114TV	40	1.5	
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	340.000
	30	15 30	1.5	
	BJS3020NA2	ELB không bảo vệ quá tải		
	BJS3030NA2	ELB W/o O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	720.000
	30	30	2.5	
	BJJ23030-8	ELB không bảo vệ quá tải ELB W/o O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	845.000
	30	15 30	1.5	
	BJJ23022-8	ELB có bảo vệ quá tải		
	BJJ23032-8	ELB with O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	1.550.000
	50	30	2.5	
	BKW2503Y	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	2.300.000
	60	30	10	
	BKW2603SKY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		
	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	3.200.000
	100	30	25	
	BKW21003KY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		

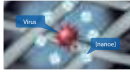
*Giá bán đã bao gồm VAT

CÔNG NGHỆ NANOTM



KHÁNG KHUẨN/NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2)
- Diệt 99.9% VI KHUẨN (E. Coli O157, MRSA.H)



Bao vây virus và vi khuẩn



Vô hiệu hóa virus và vi khuẩn



KHỬ MÙI

- Giảm 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phân tử mùi



Phân rã và loại bỏ mùi



GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.



Tiết kiệm điện 50% (*1)

So sánh với chế độ tự động

TẮM LỌC KHÍ

Tắm lọc khí tích hợp



Chỉ vệ sinh khi trời đẹp nắng và trong

Tắm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Alleru-buster, tinh chất Catechin trong trà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng



Vô hiệu hóa Virus



Vô hiệu hóa Vi khuẩn

nano-technology + electric = **nano^e**

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI



nano^e

ECONAVI

MEGA CATCHER

Humidification



F-VXK70A (Máy lọc không khí có tạo ẩm)

- Chức năng tạo ẩm có đèn báo.
- Thiết kế sang trọng, hiện đại.
- Công suất lớn, diện tích sử dụng 52m²
- Chế độ ECONAVI tiết kiệm tới 60% năng lượng tiêu thụ
- Công nghệ MEGACATCHER giúp làm sạch hiệu quả
- Chế độ cảm biến con người, giúp máy tự hoạt động khi có người xuất hiện
- Lưới lọc bụi HEPA hoàn toàn mới, lọc sạch cả các bụi PM2.5 nhỏ li ti
- Lưới lọc mùi và lưới tạo ẩm độ bền cao, tuổi thọ 10 năm

KHUYẾN CÁO

Vệ sinh lưới lọc bằng máy hút bụi hoặc chổi mềm. Không vệ sinh lưới lọc bằng nước và các chất tẩy rửa khác sẽ làm hỏng lưới lọc.



F - VXK70A

14.500.000



F - PXM55A

12.500.000



F - PXL45A

10.650.000



F - PXM35A

6.600.000



F - PXJ30A

4.300.000



F-P15EHA

3.500.000

Thông số kỹ thuật	F - VXK70A	F - PXM55A	F - PXL45A	F - PXM35A	F - PXJ30A	F-P15EHA
- Lưu lượng gió (m ³ /min) - hi	6.7	5.5	4.5	3.5	2.8	1.6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	49	42	20	30	24
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	52	52	44	44	-
- Phạm vi hoạt động [(m ²)]	52	42	33	26	20	13
- Công nghệ lọc	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA	HEPA	HEPA	-	HEPA
- Hút gió 3 chiều	●	●	●	●	●	●
- Cảm biến sensor	Bụi và Mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Mùi	Mùi	Mùi
- Đo mức độ ô nhiễm	●	●	●	●	●	●
- Đèn báo PM2.5	●	●	●	-	-	-
- Chế độ tự động	●	●	●	●	●	●
- Chế độ Turbo	●	●	●	●	●	●
- Chế độ ngủ [8 giờ]	●	●	●	●	●	●
- Chế độ báo thay bộ lọc	●	●	●	●	●	●
- Chế độ khóa trẻ em	●	●	●	-	-	●
- Kích thước [C x R x S] [mm]	636x398x265	580x300x205	516x404x235	520x300x189	540x311x210	310x385x152
- Chế độ Econavi	●	●	●	-	-	-
- Điều khiển bằng remote	-	-	●	-	-	-
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	10 năm	10 năm	3 năm	3 năm	2 năm	2 năm
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	1.700.000 800.000	1.690.000 750.000	1.350.000 800.000	1.100.000 600.000	750.000 500.000	

(*1) Dự kiến có hàng từ tháng 4/2019

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích để xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-15TGU1	11	240	35	15	21.7	790.000
FV-20CUT1	23	438	40.5	27	27	845.000
FV-25TGU5	30	612	43	38	31.5	990.000

QUẠT HÚT THEO NHU CẦU

Sử dụng riêng cho phòng tắm



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ (cm)	
FV-10BAT1	15	85	40	16x21	1.980.000

Sử dụng cho nhà bếp



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-25AUF1	34	835	42	30	1.510.000

- Nắp đáy dạng lưới bằng nhôm không dính nước (Đầu sẽ động lại thành từng hạt và rơi vào khay chứa dầu)
- Dễ lau sạch bụi bẩn, bảo trì dễ dàng và có khay trữ dầu thể tích lớn
- Có kim chỉ mức dầu

Sử dụng cho nhà tắm, có màn chắn



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGS1	5.5	75	35	12	770.000
FV-15EGS1	6.2	150	36	16.5	930.000

Sử dụng cho nhà tắm, có nắp che mưa và màn chắn



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGK	5.5	75	33	13.5	835.000
FV-15EGK	6.2	160	34	18	1.065.000

Sử dụng cho nhà tắm, màn chắn, kháng nước



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGF1	5.5	75	31	13.5	950.000
FV-15EGF1	6.2	150	33	18.5	1.190.000

Ốp vách kính



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-15WU4	8	210	35	18	940.000
FV-20WU4	16	360	32	24	1.210.000

- Đường kính lỗ kính 17.7cm/23.8 cm

MÁY SỬI DÙNG CHO PHÒNG TẮM

Chức năng thông gió và sưởi ấm



FV - 27BV1 **5.990.000**

- Kích thước lắp đặt 270x 270mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1,130	130	46
Thông gió	21	150	42

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích để xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20AU9	22	580	38	36	25	800.000
FV - 25AU9	29	920	39	57	30	905.000
FV - 30AU9	29	1,200	39	74	35	1.470.000

Loại 2 chiều - Không có màn che



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích để xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20RG7	20	580	36	36	25	1.460.000
FV - 25RG7	29	945	38	58	30	1.670.000
FV - 30RG7	31	1,165	39	72	35	2.020.000

Loại 1 chiều - Có màn che



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích để xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-15AUL	12.5	255	36	16	20	980.000
FV - 20AL9	22	546	40	34	25	1.000.000
FV - 25AL9	29	835	43	52	30	1.105.000
FV - 30AL7	29	935	43	58	35	2.220.000

Loại 2 chiều - Có màn che



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích để xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20RL7	20	546	39	34	25	1.600.000
FV - 25RL7	29	876	41	54	30	1.960.000
FV - 30RL6	31	990	44	61	35	2.300.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP Industrial Ventilating Fans



Mã số	W	CMH	dB	D (cm)	
FV - 40KUT	61	2,060	49	43.5 x 43.5	3.390.000

Dòng sản phẩm chịu áp lực cao



FV - 25GS4	39	1,150	34	27.5	4.450.000
FV - 30GS4	59	1,820	38	32.5	6.150.000
FV - 35GS4	88	2,560	44	39.5	7.550.000
FV - 40GS4	161	3,610	47	44.5	9.600.000
FV - 45GS4	227	5,200	51	50	15.700.000

Made in Japan

(* Tham khảo thêm dòng **Quạt hút Cabinet** (trang 18) độ ồn thấp, sử dụng cho văn phòng.



Áp suất tĩnh cao, tiết kiệm điện

Thiết kế cánh quạt hình sóng độc đáo giúp quạt hoạt động với áp suất tĩnh cao và tiêu thụ điện năng thấp.



Độ ồn thấp

Cánh quạt được thiết kế với lưới ly tâm giúp tăng hiệu suất thông gió và giảm tiếng ồn khi hoạt động.



Độ bền cao

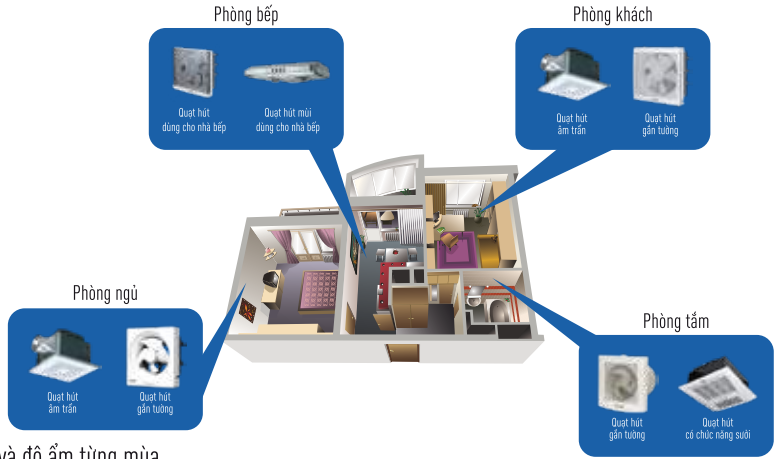
Bề mặt được sơn chống gỉ cùng với thiết kế giúp áp suất phân bố đều trên bề mặt cánh giúp cánh quạt bền hơn.

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc,...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu cho phòng ngủ vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp: 26 dB
- Động cơ DC tiết kiệm điện lên tới 35%
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000 giờ
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- 3 cấp độ lưu lượng gió phù hợp với yêu cầu thông thoáng khí và độ ẩm từng mùa



QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng



Mã số	Công suất	Lưu lượng	Độ ồn	Diện tích	Kích thước cửa	
	(W)	gió (CMH)	(dB)	đề xuất (m ²)	lỗ vuông (cm)	

Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

FV-17CU7	11	85	26	5	17	2.305.000
FV-24CU7	14	140	28	9	24	2.860.000
FV-24CD7	17	170	31	11	24	2.950.000
FV-24CH7	20	200	35	12	24	3.095.000

Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ

FV-27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	20	27	4.550.000
	28 (Hi)	330 (Hi)	34			
FV-32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	27	32	6.100.000
	42 (Hi)	430 (Hi)	36			
FV-32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	33	32	6.650.000
	55 (Hi)	530 (Hi)	41			
FV-38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	40	38.5	8.300.000
	90 (Hi)	640 (Hi)	44			
FV-38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	49	38.5	9.000.000
	122 (Hi)	800 (Hi)	50			

Động cơ DC, tiết kiệm điện, dùng với ống dẫn Ø100mm

FV-24JR2	3.6	80	20	10	24	5.000.000
	5.2	120	26			
	8	160	31			
FV-24JA2						4.350.000

Riêng FV-24JR2 có sensor cảm ứng hồng ngoại hỗ trợ



Động cơ DC

QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã số	Cấp độ	W	CMH	dB	S (m ²)	D (cm)	
FV-12NS3	Hi	18	180	21	11	Ø100	2.950.000
	Low	17	145	17			
FV-15NS3	Hi	33	340	25	21	Ø150	3.900.000
	Low	29.5	275	22			
FV-18NS3	Hi	60	500	29	31	Ø150	4.650.000
	Low	55	405	27			
FV-18NF3	Hi	91	770	31	48	Ø200	5.650.000
	Low	80	620	29			
FV-20NS3	Hi	120	920	32	57	Ø200	6.990.000
	Low	113	720	29			
FV-23NL3	Hi	230	1200	40	74	Ø200	8.550.000
	Low	170	900	34			
FV-25NS3	Hi	345	1700	41	105	Ø250	11.300.000
	Low	265	1380	38			
FV-25NF3	Hi	390	1900	43	117	Ø250	12.990.000
	Low	325	1600	40			



Tạo luồng gió lớn (Đổi điện với động cơ)

Đường dẫn lưu lượng lớn

Áp suất tĩnh cao (Phía động cơ)

Kích thước cánh lớn

Mạnh mẽ với luồng gió kép

Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.



Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên
Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

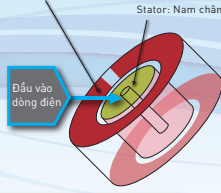
Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra
Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần. Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức thu điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC)

Động cơ điện một chiều (DC)

Rotor: Nam châm vĩnh cửu



Chỉ cần đấu vào dòng điện cho Stator

Động cơ điện xoay chiều (AC)

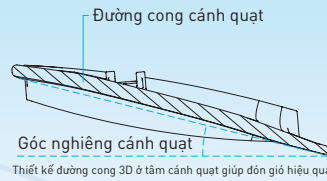
Rotor: Nam châm điện



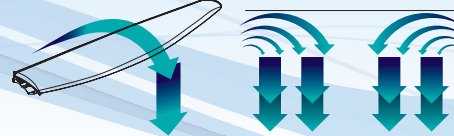
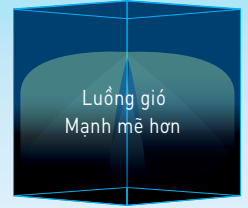
Cần đấu vào dòng điện cho cả Rotor và Stator

Thiết kế cánh quạt 3D

Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.



Thiết kế đường cong 3D ở tâm cánh quạt giúp đón gió hiệu quả.



⚠ Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

Ảnh sáng trắng

Ảnh sáng ban ngày

Ảnh sáng vàng

Ảnh sáng vàng dịu

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm
Đèn LED có 4 chế độ sáng

F - 60UFN

- Công suất 57W (motor: 37W, đèn: 20W)
- Động cơ DC tiết kiệm điện
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

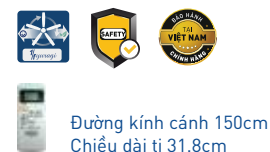
11.990.000

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm

- F-60TAN**
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
 - 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
 - Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
 - Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
 - Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
 - Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
 - 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
 - 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
 - Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- 8.990.000**

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm

- F - 60XDN**
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
 - 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
 - Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
 - Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
 - 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
 - 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
 - Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- 7.690.000**



F-60TDN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

F - 60WWK

- Công suất 76W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 7 cấp độ gió, lưu lượng gió 220m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ (1-8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

6.650.000

6.650.000



F - 56XPG

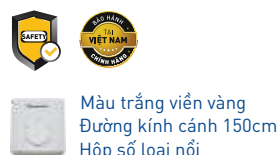
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 191m³/phút
- Có điều khiển từ xa

F - 56MPG - GO (Màu vàng ánh kim)
F - 56MPG - S (Màu bạc)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 182m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.450.000

3.110.000



F - 60MZZ (Chiều dài ti: 50cm)
F - 60MZZ - S (Chiều dài ti: 30cm)
F - 60MZZ - L (Chiều dài ti: 65cm)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215m³/phút
- Cánh quạt được gia cố thêm lúc vận hành

F - 56MZG - GO (Màu vàng ánh kim)
F - 56MZG - S (Màu bạc)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 182m³/phút
- Có điều khiển từ xa

1.450.000

3.110.000

LED DOWNLIGHT DN SERIES

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 6W - 220V, Ø109mm/H50mm
NNNC7581388 - 540lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586388 - 540lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596388 - 540lm - Ánh sáng trắng 6500K

240.000

Công suất 9W - 220V, Ø114mm/H50mm
NNNC7581488 - 810lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586488 - 810lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596488 - 810lm - Ánh sáng trắng 6500K

285.000



Công suất 12W - 220V, Ø144mm/H55mm
NNNC7581588 - 1080lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586588 - 1080lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596588 - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500K

376.000

Công suất 15W - 220V, Ø169mm/H55mm
NNNC7581888 - 1350lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586888 - 1350lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596888 - 1350lm - Ánh sáng trắng 6500K

440.000

Công suất 18W - 220V, Ø194mm/H55mm
NNNC7581688 - 1620lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586688 - 1620lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596688 - 1620lm - Ánh sáng trắng 6500K

510.000



LED Downlight DN Series

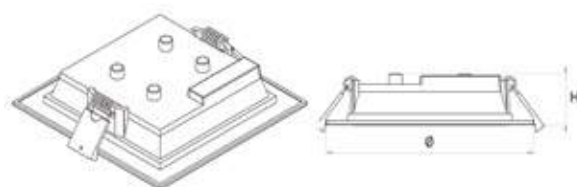
LED NEO SLIM DOWNLIGHT - Made in Indonesia



Slim Downlight vuông - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 9W - 220V, Ø100mm/H30mm
NNP72254 - 420lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP72250 - 420lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP72255 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

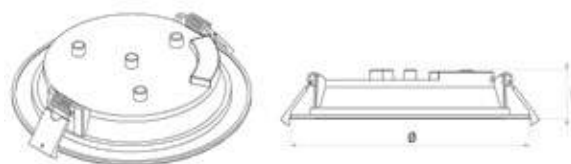
370.000



Slim Downlight tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 6W - 220V, Ø100mm/H30mm
NNP71272 - 420lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP71279 - 420lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP71278 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

255.000



Công suất 9W - 220V, Ø100mm/H30mm
NNP72272 - 630lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP72279 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP72278 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K

299.000



Công suất 15W - 220V, Ø150mm/H30mm
NNP74472 - 1130lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP74479 - 1130lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP74478 - 1130lm - Ánh sáng trắng 6500K

479.000

Công suất 12W - 220V, Ø125mm/H30mm
NNP73472 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP73479 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP73478 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

385.000

Công suất 18W - 220V, Ø150mm/H30mm
NNP74572 - 1440lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP74579 - 1440lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP74578 - 1440lm - Ánh sáng trắng 6500K

535.000

LED DOWNLIGHT GLOBAL SERIES

Downlight LED tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

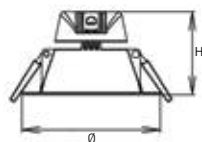


Công suất 5W - 220V, Ø95mm/H68mm
NNP71249 - 400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP71259 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

240.000

Công suất 8W - 220V, Ø95mm/H68mm
NNP72249 - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP72259 - 720lm - Ánh sáng trắng 6500K

276.000



Công suất 12W - 220V, Ø125mm/H78mm
NNP73349 - 960lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP73359 - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500K

376.000

LED DOWNLIGHT PANEL TRÒN

Downlight Panel tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

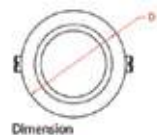


Công suất 6W-220V, Ø105mm/H21mm
NNP712563 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP712663 - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K

245.000

Công suất 8W-220V, Ø105mm/H21mm
NNP722563 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP722663 - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K

280.000



Dimension

D= Diameter
H= Height

Công suất 12W-220V, Ø155mm/H21mm
NNP735563 - 850lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP735663 - 850lm - Ánh sáng trắng 6500K

379.000

Công suất 15W-220V, Ø170mm/H21mm
NNP745563 - 1080lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP745663 - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500K

479.000

LED DOWNLIGHT ONE-CORE - Sử dụng công nghệ 1 lõi LED đặc biệt, sản xuất tại Indonesia, 40,000 giờ

Downlight thường góc chiếu 100° - CRI: Ra80



Công suất 5.5W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40501K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20501K19 - 393lm - Ánh sáng trắng 6500K

635.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40701K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20701K19 - 622lm - Ánh sáng trắng 6500K

825.000

Downlight LED vuông - CRI: Ra80



Công suất 5.5W - 220V, L100xW100xH80mm
HH-LD40507K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20507K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6500K

960.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40707K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20707K19 - 585lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.180.000

Downlight LED góc chiếu hẹp 24° - CRI: Ra80



Công suất 5.5W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD70501K19 - 310lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD50501K19 - 325lm - Ánh sáng trắng 6500K

880.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD70701K19 - 510lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD50701K19 - 540lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.100.000

Downlight LED chống ẩm - IP43 - CRI: Ra80



Công suất 5.5W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40508K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20508K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6500K

880.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40708K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20708K19 - 585lm - Ánh sáng trắng 6500K

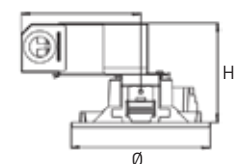
1.100.000

Downlight công suất lớn - CRI: Ra80



Công suất lớn 15W, Ø150/ H80mm
HH-LD4090119 - 1040lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD2090119 - 1090lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.400.000



Downlight thường, chống ẩm



Downlight công suất lớn



DOWNLIGHT LED ĐIỀU CHỈNH GÓC CHIẾU - Sản xuất tại Indonesia



Góc chiếu 24° - Tuổi thọ 30,000 giờ
 Công suất 7W - 220V, Ø75/H32mm
NNP21101
 465lm - Ánh sáng vàng 2700K

640.000



Góc chiếu 24° - Tuổi thọ 30,000 giờ
 Công suất 7W - 220V, Ø75/H32mm
NNP21102
 465lm - Ánh sáng trắng 6500K

640.000

LED DOWNLIGHT

Đèn LED Downlight - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ

Công suất 5W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø68mm/H: 57.5mm
NDL056 - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

130.000

Công suất 5W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL0539 - 430lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL0549 - 460lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL0569 - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

220.000

Công suất 8W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL083 - 730lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL084 - 780lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL086 - 780lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

233.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng đổi màu
 CRI: Ra80 - Góc chiếu: 110° - Tuổi thọ 25,000 giờ

NSD06C1
Công suất 6W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm
 Quang thông: 420lm - 462lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 36 cái/thùng

185.000

NSD09C1
Công suất 9W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
 Quang thông: 630lm - 693lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 30 cái/thùng

270.000

NSD12C1
Công suất 12W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
 Quang thông: 824lm - 840lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 24 cái/thùng

320.000

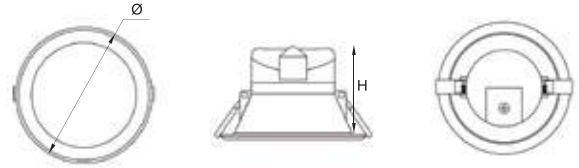
Đèn LED Downlight siêu mỏng đổi màu
 CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ

NSD09C
Công suất 9W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 30mm
 Quang thông: 540lm - 640lm
 Đổi màu ánh sáng 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

270.000

NSD12C
Công suất 12W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 30mm
 Quang thông: 720lm - 840lm
 Đổi màu ánh sáng 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

320.000



Công suất 12W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL123 - 1120lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL124 - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL126 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

334.000

Công suất 14W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL143 - 1240lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL144 - 1330lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL146 - 1330lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

350.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng
 CRI: Ra80 - Góc chiếu: 110° - Tuổi thọ 25,000 giờ

Công suất 6W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm
NSD0631 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0641 - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0661 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 36 cái/thùng

164.000

Công suất 9W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
NSD0931 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0941 - 620lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0961 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 30 cái/thùng

198.000

Công suất 12W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
NSD1231 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD1241 - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD1261 - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 24 cái/thùng

240.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng
 CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ

Công suất 6W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 30mm
NSD063 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD064 - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD066 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

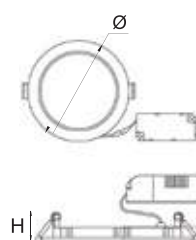
164.000

Công suất 9W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 30mm
NSD093 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD094 - 620lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD096 - 640lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

198.000

Công suất 12W - 220V
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 30mm
NSD123 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD124 - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD126 - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

240.000

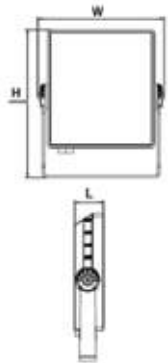


ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ



Công suất 10W - 220V
 Kích thước: W117xH138xL27mm/ Trọng lượng: 0.29kg
NLF1103 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1104 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1106 - 800lm - Ánh sáng trắng 6000K
 Đóng gói: 12 cái/thùng **220.000**



Công suất 20W - 220V
 Kích thước: W134xH159xL27mm/ Trọng lượng: 0.37kg
NLF1203 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6000K
 Đóng gói: 12 cái/thùng **300.000**

Công suất 30W - 220V
 Kích thước: W167xH220xL36mm/ Trọng lượng: 0.65kg
NLF1303 - 2400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6000K
 Đóng gói: 12 cái/thùng **440.000**

Công suất 50W - 220V
 Kích thước: W222xH301xL38mm/ Trọng lượng: 1.1kg
NLF1503 - 4000lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6000K
 Đóng gói: 6 cái/thùng **670.000**



ĐÈN LED PANEL ỐP TRẦN NỔI



CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°
 Tuổi thọ 25,000 giờ
 Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa
 Công suất: 6W - 220V
 Kích thước: Ø120mm/H: 38mm
NPL063R - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL064R - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL066R - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng **248.000**

CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°
 Tuổi thọ 25,000 giờ
 Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa
 Công suất: 12W - 220V
 Kích thước: Ø170mm/H: 38mm
NPL123R - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL124R - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL126R - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 20 cái/thùng **350.000**



CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°
 Tuổi thọ 25,000 giờ
 Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa
 Công suất: 18W - 220V
 Kích thước: Ø225mm/H: 38mm
NPL183R - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL184R - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL186R - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 20 cái/thùng **465.000**

CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°
 Tuổi thọ 25,000 giờ
 Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa
 Công suất: 24W - 220V
 Kích thước: Ø300mm/H: 38mm
NPL243R - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL244R - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL246R - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 10 cái/thùng **640.000**

ĐÈN BÁN NGUYỆT - Tuổi thọ 30,000 giờ



Công suất 18W - 265V - CRI: Ra80
 Chất liệu: Nhựa trắng, viền nhôm
 Kích thước: W600xH75xL27mm
NSH183 - 1600lm/ Ánh sáng vàng 3000K
NSH184 - 1600lm/ Ánh sáng trung tính 4000K
NSH186 - 1600lm/ Ánh sáng trắng 6500K
249.000

Công suất 36W - 265V - CRI: Ra80
 Chất liệu: Nhựa trắng, viền nhôm
 Kích thước: W1200xH75xL27mm
NSH363 - 3000lm/ Ánh sáng vàng 3000K
NSH364 - 3000lm/ Ánh sáng trung tính 4000K
NSH366 - 3000lm/ Ánh sáng trắng 6500K
425.000

ĐÈN BÓNG LED BULB TRỤ E27



CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
 Chất liệu: Chóa và thân đèn nhôm bọc nhựa
 Công suất: 20W - 220V
 Kích thước: Ø70mm/H123mm
NLB203 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 60 cái/thùng

140.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
 Chất liệu: Chóa và thân đèn nhôm bọc nhựa
 Công suất: 30W - 220V
 Kích thước: Ø80mm/H141mm
NLB303 - 2400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

186.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
 Chất liệu: Chóa và thân đèn nhôm bọc nhựa
 Công suất: 40W - 220V
 Kích thước: Ø100mm/H168mm
NLB403 - 3200lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB404 - 3200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB406 - 3200lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 12 cái/thùng

260.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
 Chất liệu: Chóa và thân đèn nhôm bọc nhựa
 Công suất: 50W - 220V
 Kích thước: Ø118mm/H194mm
NLB503 - 4000lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 12 cái/thùng

360.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
 Chất liệu: Chóa và thân đèn nhôm bọc nhựa
 Công suất: 60W - 220V
 Kích thước: Ø138/H222mm
NLB603 - 4800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB604 - 4800lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB606 - 4800lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 6 cái/thùng

450.000

ĐÈN LED DÂY



- Điện áp đầu vào: 220V-230V
- Số lượng chip: 120 chip LED/m
- Kích thước: 18x8mm
- Trọng lượng: 9kg
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC Anti-UV
- Tuổi thọ: 30,000 giờ
- Kèm 1 bộ phụ kiện

Công suất 8W/m, 600lm/m

- **NST1202** - Ánh sáng vàng 2700K
- **NST1206** - Ánh sáng trắng 6500K

4.000.000

Công suất 9W/m

- **NST120R** - Ánh sáng màu đỏ
- **NST120G** - Ánh sáng màu xanh lục
- **NST120B** - Ánh sáng màu xanh dương

4.300.000

PHỤ KIỆN DÙNG CHO LED DÂY



NST-E
 Nút bấm
 Đóng gói 50 cái/bịch

1.600



NST-P
 Chân cắm nối nguồn
 Đóng gói 20 cái/bịch

1.600



NST-MC
 Khớp nối giữa
 Đóng gói 10 cái/bịch

11.000



NST-C
 Nẹp gắn tường
 Đóng gói 20 cái/bịch

1.600



NST-PC
 Driver nguồn (Max 50m/nguồn)
 (Kèm 1 chân cắm và 1 nút bấm)
 Đóng gói 1 cái/bịch

65.000

ĐÈN LED T8 - Tuổi thọ 15,000 giờ



Công suất 9W - 220V

NT8T093 - 800lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T096 - 800lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000



Công suất 18W - 220V

NT8T183 - 1600lm/Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T186 - 1600lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

143.000



Công suất 9W - 220V

NT8T0931 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T0961 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000



Công suất 18W - 220V

NT8T1831 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T1861 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

143.000



Công suất 22W - 220V

NT8T223 - 2200lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T226 - 2200lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

165.000



(*) Không bao gồm bóng

MÁNG ĐÈN LED T8



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn Dùng cho bóng LED T8 9W - 220V

NT8F09
 - Dài 0.6m
 - Kích thước thân máng: W33xH15mm
 - Đóng gói: 40 cái/thùng

49.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn Dùng cho bóng LED T8 9W - 220V

NT8F109N
 - Dài 0.6m
 - Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

52.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn Dùng cho bóng LED T8 18W - 220V

NT8F18
 - Dài 1.2m
 - Kích thước thân máng: W33xH15mm
 - Đóng gói: 40 cái/thùng

64.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn Dùng cho bóng LED T8 18W - 220V

NT8F118N
 - Dài 1.2m
 - Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

68.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đôi Dùng cho 2 bóng LED T8 18W - 220V

NT8F218
 - Dài 1.2m
 - Kích thước thân máng: W33xH15mm
 - Đóng gói: 30 cái/thùng

74.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đôi Dùng cho bóng LED T8 18W - 220V

NT8F218N
 - Dài 1.2m
 - Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

79.000

BỘ MÁNG ĐÈN LED T8



Bộ máng đèn LED Tube T8 loại đơn 9W - 220V

NT8F109N3
 - Dài 0.6m
 - 1 bóng tuýp T8 9W 900lm - Ánh sáng vàng 3000K

NT8F109N6
 - Dài 0.6m
 - 1 bóng tuýp T8 9W 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

149.000



Bộ máng đèn LED Tube T8 loại đơn 18W - 220V

NT8F118N3
 - Dài 1.2m
 - 1 bóng tuýp T8 18W 1800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NT8F118N6
 - Dài 1.2m
 - 1 bóng tuýp T8 18W 1800lm - Ánh sáng trắng 6500K

209.000

MÁNG ĐÈN KÍN NƯỚC LED - IP65



Sử dụng bóng LED Tube T8

N2186WP
 - 1800lm - Ánh sáng trắng
 - Loại 2 bóng 1.2m (2 x 18W)
 - Kích thước: W1270xH155 xL102mm
 - Đóng gói 1 cái/ hộp, 4 cái/ thùng

938.000



BÓNG ĐÈN HUỖNH QUANG T5

F28T5-V (Ánh sáng vàng 2700K)
 - Công suất 28W/ 220-240V
 - Đường kính 16mm/Dài 1163mm

49.000

F14T5-T (Ánh sáng trắng 6500K)
 - Công suất 14W/ 220-240V
 - Đường kính 16mm/Dài 563mm

36.000

MÁNG ĐÈN BATTEN



Máng đèn Batten đơn 1.2m

NLA41M
 - Kích thước 1227 x 55 x 80mm
 - Đóng gói 8 cái/thùng

195.000



Máng đèn Batten đôi 1.2m

NLA42M
 - Kích thước: 1227 x 100 x 85mm
 - Đóng gói 8 cái/thùng

295.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG KHÁCH



	SCENE	Ánh sáng chính	Ánh sáng gián tiếp	Đèn rọi
BÌNH THƯỜNG		Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000-6500K	—	—
THƯ GIÃN		Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000K	TỐI ĐA Màu sắc 3000K	Độ sáng 4 Mức độ Màu sắc 3000K
RẠP HÁT		—	Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000K	Độ sáng 4 Mức độ Màu sắc 3000K
GIA ĐÌNH		Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000-6500K	TỐI ĐA Màu sắc 3000K	Độ sáng 4 Mức độ Màu sắc 3000K



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ502288

- Diện tích chiếu sáng: 18-22m²
- Công suất 79W/0.37A/AC220-240V
- Kích thước: Ø800mm/H160mm - Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 5000lm - 63.3lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc

19.320.000



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ504988

- Diện tích chiếu sáng: 16-20m²
- Công suất 68W/0.31A/AC220-240V
- Kích thước: L900xW734xH104mm - Trọng lượng: 8.6kg
- Quang thông: 5000lm - 73.5lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

15.850.000



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ502088

- Diện tích chiếu sáng: 16-20m²
- Công suất 66W/0.3A/AC220-240V
- Kích thước: L740xW740xH163mm - Trọng lượng: 5.6kg
- Quang thông: 4700lm - 71.2lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc
- Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng

12.950.000



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ5008K88 (tắt an toàn)

- Diện tích chiếu sáng: 16-20m²
- Công suất 59W/0.22A/AC220-240V
- Kích thước: Ø766mm/H160mm - Trọng lượng: 5.2kg
- Quang thông: 4700lm - 80.6lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc trang trí thủy tinh

5.990.000



Cool Daylight 6500K Warm White 2700K

HH-LAZ317588

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L820xW820xH97mm - Trọng lượng: 7.7kg
- Quang thông: 3800lm - 79lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc, viền nhựa trong

11.570.000



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ317988

- Diện tích chiếu sáng: 12-16m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L600xW600xH129mm - Trọng lượng: 5.36kg
- Quang thông: 2500m - 52lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền nhựa vân hình cánh hoa

10.990.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG KHÁCH



Neutral Light 4600K

Warm White 2700K

HH-LMZ100988

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 61W (36W đèn + 25W quạt)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø594xH158mm
- Trọng lượng: 4.3kg
- Quang thông: 2600lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa

15.740.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-XZ550088 & HKC306988

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø680mm/H112mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - 83lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kép trắng

7.900.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-XZ550088 & HKC311788

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø680mm/H112mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền trắng trong

7.100.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ167088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø607mm/H99mm
- Trọng lượng: 5kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc

5.780.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ3005K88 (tắt an toàn)

- Diện tích chiếu sáng: 12-16m²
- Công suất 43W/0.22A/AC220-240V
- Kích thước: Ø800mm/H159mm - Trọng lượng: 5kg
- Quang thông: 3500lm - 88.3lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền trắng mạ crom
- Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng

5.400.000

ĐÈN TRANG TRÍ



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM800388

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø808mm/H480mm
- Trọng lượng: 12.45kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x8
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

15.970.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM500388

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø625mm/H465mm
- Trọng lượng: 8.95kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x5
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

9.960.000



ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG NGỦ



Cool Daylight 6200K

Warm White 2700K

HH-XZ352288

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø550xH100mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 2400lm - 67lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa, khung đèn kim loại màu trắng

4.720.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ181488

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm/H80mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại trắng hoa tuyết

3.950.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ175088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø512mm/H108mm
- Trọng lượng: 3kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung nhựa màu hồng

5.630.000



Cool Daylight 5000K

HH-LA1638DB88

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L490xW490xH112.5mm
- Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, góc viền trang trí nhựa sơn ánh kim

3.600.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG NGỦ



Cool Daylight 6500K

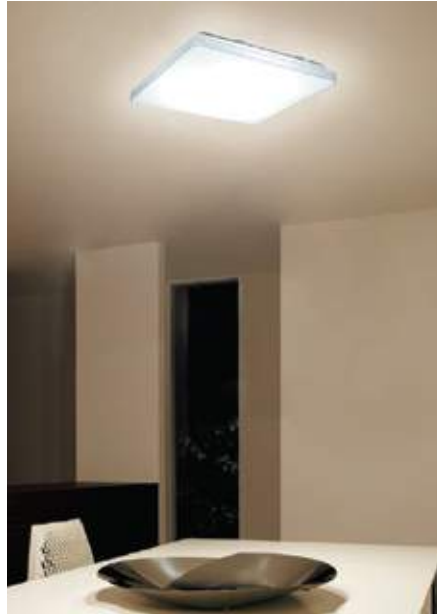
Warm White 2700K

HH-LA1640DB88**3.440.000**

- Công suất 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L466xW466xH112.5mm - Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80

HH-XQ254088**3.600.000**

- Công suất 21W/AC220-240V
- Kích thước: L470xW470xH113mm - Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền vân trong



Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LA157788 (Ánh sáng vàng 2700K)

- Quang thông: 1800lm - 85.7lm/W - CRI: Ra85

HH-LA157888 (Ánh sáng trắng 6500K)

- Quang thông: 1800lm - 85.7lm/W - CRI: Ra85

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.15A/AC220-240V
- Kích thước: Ø460mm/H120mm - Trọng lượng: 2.2kg
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền cạnh kim loại

1.990.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LA152619 (Ánh sáng vàng 2700K)

- Quang thông: 1380lm - 72.6lm/W - CRI: Ra85

HH-LA152819 (Ánh sáng trắng 6500K)

- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra85

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 19W/0.15A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H96mm - Trọng lượng: 1.25kg
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền bạc

1.990.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

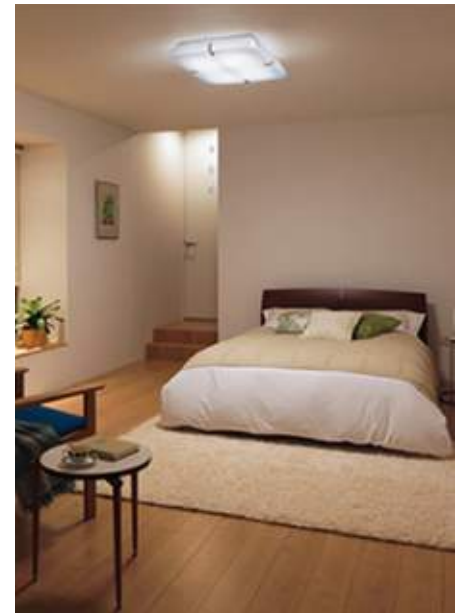
HH-LA152319 (Ánh sáng vàng 2700K)

- Quang thông: 1380lm - 72.6lm/W - CRI: Ra85

HH-LA152519 (Ánh sáng trắng 6500K)

- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra85

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 19W/0.15A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H96mm - Trọng lượng: 1.25kg
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền vân khối

1.990.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LA152919 (Ánh sáng vàng 2700K)

- Quang thông: 1380lm - 72.6lm/W - CRI: Ra85

HH-LA153119 (Ánh sáng trắng 6500K)

- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra85

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 19W/0.15A/AC220-240V
- Kích thước: Ø470mm/H96mm - Trọng lượng: 1.35kg
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền crom trang trí thủy tinh

1.990.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG TẮM, BAN CÔNG



Cool Daylight 6500K

HH-LA0606CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: 209xW209xH68.5mm
- Trọng lượng: 0.67kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

1.060.000



Cool Daylight 6500K

HH-LA1038CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-8m²
- Công suất 11W/0.1A/AC220-240V
- Kích thước: Ø317mm/H80mm
- Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 1000lm - 90.9lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền màu bạc

1.760.000



Cool Daylight 6500K

HH-LA0417CB88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất 5W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø200mm/H80mm
- Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 350lm - 70lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

570.000



Cool Daylight 6500K

NNP52600

- Diện tích chiếu sáng: 4-8m²
- Công suất 15W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø300mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1127lm - 82.31lm/W - CRI: Ra80

1.100.000

NNP52700

- Diện tích chiếu sáng: 4-10m²
- Công suất 20W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø400mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1502lm - 78.21lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Sản xuất tại Indonesia

1.415.000



Cool Daylight 6500K

HH-LA0619CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: Ø258mm/H68.5mm
- Trọng lượng: 0.73kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Độ kín nước IP64

1.340.000

ĐÈN CHIẾU GƯƠNG LED



Cool Daylight 5000K

HH-LW0512388

- Công suất: 10W/0.09A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L585xW230xH125mm
- Trọng lượng: 0.67kg
- Quang thông: 700lm - 70lm/W - Ra85
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Kim loại màu bạc, chóa đèn bằng nhựa

1.990.000



ĐÈN TREO BÀN ĂN



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB3090888

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max3.5W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø493mm
- Trọng lượng: 5kg
- Tầm treo 1,100mm - 1,200mm
- Chất liệu: Đế đèn kim loại, chóa đèn thủy tinh

5.530.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM101888

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm
- Trọng lượng: 3.1kg
- Tầm treo 400mm-1,960mm
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

4.620.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB1050388

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø390mm
- Trọng lượng: 2.2kg
- Tầm treo 1,100mm-1,200mm
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

2.240.000



Warm White 2700K

HH-LB1050288

- Công suất: 8W/0.13A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H110mm
- Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1000lm - 56lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa, chụp ngoài bằng kim loại

5.610.000



Warm White 2700K

HH-LB1050188

- Công suất: 8W/0.13A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H110mm
- Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1000lm - 56lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1100mm-1300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa, chụp ngoài bằng kim loại

5.610.000



ĐÈN TREO BÀN ĂN



Cool Daylight 5000K

HH-LA202988

- Công suất 32W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: Ø558mm
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tấm treo: 900mm - 1,200mm
- Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 2,550lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong

6.910.000



Cool Daylight 5000K

Warm White 3000K

HH-LA606188

- Công suất 64W/0.36A/AC220-240V
- Kích thước: Ø787mm
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tấm treo: 400mm - 700mm
- Trọng lượng: 10.5kg
- Quang thông: 5100lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Dùng công tắc lắp tường để đổi chế độ chiếu sáng (bật 6 đèn/ bật 3 đèn trắng/ bật 3 đèn vàng)
- Chất liệu: Nhựa trong

13.850.000



Warm White 3000K

HH-LB1090388

- Công suất: 17W/0.137A/AC220-240V
- Kích thước: Ø140mm/H30mm
- Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1000lm - 58.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tấm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa màu trắng

5.910.000



Warm White 3000K

HH-LB1090588

- Công suất: 17W/0.137A/AC220-240V
- Kích thước: Ø140mm/H30mm
- Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1000lm - 58.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tấm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa màu đỏ

5.910.000



Warm White 3000K

HH-LB1150188

- Công suất: 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L540xW540xH104mm
- Trọng lượng: 6.2kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Tấm treo 400mm-1960mm
- Chất liệu: Nhựa màu trắng sữa

13.310.000

ĐÈN TƯỜNG TRANG TRÍ



Cool Daylight 5000K

HH-LW100088

- Công suất 5W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø240mm - Trọng lượng: 1.5 kg
- Quang thông: 340lm - 70lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong

1.970.000



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LW6010519/ HH-LW60105K88

(Ánh sáng trắng 6500K)

HH-LW6020519/ HH-LW60205K88

(Ánh sáng vàng 3000K)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L168xW168xH96mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vuông xám khói

1.195.000



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LW6010719/ HH-LW60107K88

(Ánh sáng trắng 6500K)

HH-LW6020719/ HH-LW60207K88

(Ánh sáng vàng 3000K)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L168xW168xH96mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vuông trắng nhám

1.195.000



*Thiết kế tinh tế
phù hợp với mọi góc phòng*



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-HW100388

- Công suất: Sử dụng bóng E27(Max11W)/AC220-240V
- Kích thước: Ø160mm/H240mm
- Trọng lượng: 1.58kg
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu đen, chóa đèn bằng sứ

1.990.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM100388

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11Www)/AC220-240V
- Kích thước: Ø134mm/H226mm
- Trọng lượng: 1.95kg
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

1.650.000

ĐÈN TRẦN



Đèn trần LED

NCL1331 - Ánh sáng vàng 3000K

NCL1331-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 18W/AC200-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm - Trọng lượng: 1.8kg
- Quang thông: 1112lm - CRI: Ra84
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa

Cool Daylight 6000K

Warm White 3000K

1.680.000



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-73 - Ánh sáng vàng 3000K

NSDL2236-76 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 480lm - CRI: Ra82
- PF: 0.53 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong



Cool Daylight 6000K

Warm White 3000K

1.210.000



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-203 - Ánh sáng vàng 3000K

NSDL2236-206 - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 20W/AC200-240V
- Kích thước: Ø95mm/H105mm - Trọng lượng: 1.0kg
- Quang thông: 1616lm - CRI: Ra83
- PF: 0.53 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong



Cool Daylight 5700K

Warm White 3000K

1.580.000

ĐÈN GẮN TƯỜNG



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2891 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2891-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 5W/AC200-240V
- Kích thước: W82xH82xL58mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông: 158lm - CRI: Ra85
- PF: 0.9 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám nhạt



Cool Daylight 6000K

Warm White 3000K

860.000



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2553 (Màu trắng) - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2553-6 (Màu trắng) - Ánh sáng trắng 6000K

NBL2553S (Màu bạc) - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 9W/AC200-240V
- Kích thước: W109xH173xL63mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 105lm - CRI: Ra80
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng/bạc



Cool Daylight 6000K

Warm White 3000K

1.150.000



NBL2691 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: W125xH125xL63mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 344lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K

1.050.000



NBL2721 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: W220xH55xL130mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng



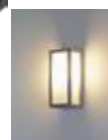
Warm White 3000K

1.580.000



NBL5705 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 17.6W (86x0.2W)/AC200-240V
- Kích thước: W110xH250xL103mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82
- PF: 0.99 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu đen



Warm White 3000K

1.440.000

ĐÈN GẮN TƯỜNG



NEW

- Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2621 - Ánh sáng vàng 3000K
NBL2621-6 - Ánh sáng trắng 6000K
- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
 - Kích thước: W62xH145xL82mm - Trọng lượng: 0.84kg
 - Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82
 - PF: 0.93 - IP54
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc



Cool Daylight 6000K Warm White 3000K

1.580.000

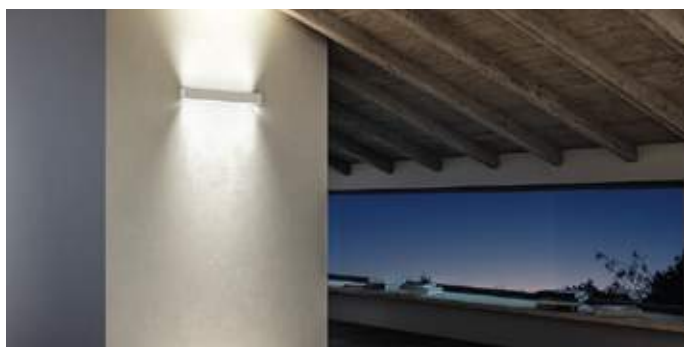


- NBL2622** - Đèn gắn tường ngoài trời LED
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
 - Kích thước: W62xH95xL82mm - Trọng lượng: 0.64kg
 - Quang thông: 577lm - CRI: Ra82
 - PF: 0.88 - IP54
 - Ánh sáng vàng 3000K
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K

1.080.000



- NBL1291** - Đèn gắn tường ngoài trời LED
- Công suất: 36W (56x0.64W)/AC200-240V~50Hz
 - Kích thước: W500xH60xL60mm - Trọng lượng: 3.1kg
 - Quang thông: 2156lm - CRI: Ra84
 - PF: 0.99 - IP65
 - Ánh sáng vàng 3000K
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng



Warm White 3000K

2.370.000



Sử dụng chóa phụ



Không sử dụng chóa phụ



NEW

- Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2541 - Ánh sáng vàng 3000K
NBL2541-6 - Ánh sáng trắng 6000K
- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
 - Kích thước: W108xH115xL111mm - Trọng lượng: 1.7kg
 - Quang thông: 841lm - CRI: Ra83
 - PF: 0.90 - IP54
 - Chất liệu: Nhôm đúc, màu bạc



Cool Daylight 6000K Warm White 3000K

1.720.000

NBL2851 - Đèn gắn tường ngoài trời LED



NEW

- Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2851 - Ánh sáng vàng 3000K
NBL2851-6 - Ánh sáng trắng 6000K
- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
 - Kích thước: W75xH160xL100mm - Trọng lượng: 0.9kg
 - Quang thông: 995lm - CRI: Ra82
 - PF: 0.92 - IP54
 - Chất liệu: Inox



Cool Daylight 6000K Warm White 3000K

1.790.000



- NBL1791** - Đèn gắn tường ngoài trời LED
- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
 - Kích thước: W222xH282xL102mm - Trọng lượng: 1.6kg
 - Quang thông: 555lm - CRI: Ra85
 - PF: 0.5 - IP65
 - Ánh sáng vàng 3000K
 - Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng



Warm White 3000K

1.720.000



- NBB1466** - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng
- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
 - Kích thước: W160xH290xL140mm - Trọng lượng: 2.6kg
 - PF: 0.89 - IP54
 - Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
 - Chất liệu: Thủy tinh và nhôm đúc màu đen
 - Giá không bao gồm bóng



1.510.000

ĐÈN SÂN VƯỜN



NBB1463 - Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: W140xH350xL140mm - Trọng lượng: 2.5kg
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Thủy tinh và nhôm đúc màu đen
- Giá không bao gồm bóng



1.720.000



NGL8434 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 14.62W (86x0.17W)/AC200-240V
- Kích thước: W108xH650xL148mm - Trọng lượng: 2.9kg
- Quang thông: 461lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu đen



Warm White 3000K

2.080.000



NGL8453 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W108xH200xL108mm - Trọng lượng: 0.95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc



Warm White 3000K

1.440.000



NGL2723 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W120xH650xL40mm - Trọng lượng: 2.4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K

1.790.000



NGL1211 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K

1.510.000



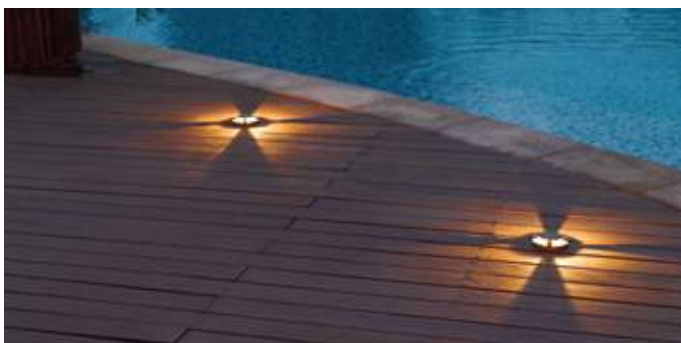
NGL1212 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K

1.510.000



NGL1214 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K

1.510.000

ĐÈN SÂN VƯỜN



NGL2641 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



Warm White 3000K

1.310.000



NGL2642 - Đèn sân vườn LED âm đất

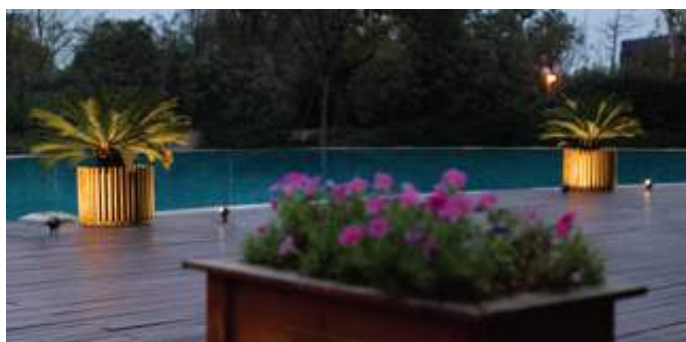
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W125xH125xL105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



Warm White 3000K

1.440.000

ĐÈN SPOTLIGHT SÂN VƯỜN



Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2745

9W(1x9W Cree) - 518lm - PF: 0.94

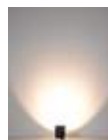
1.370.000

NSP2746

10W(1x10W COB) - 656lm - PF: 0.99

1.290.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W81xH118xW76mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- CRI: Ra83 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chân cắm bằng nhựa



Warm White 3000K



Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1673

10W(1x10W) - 613lm

1.510.000

NSP1676

15W(1x15W) - 934lm

1.650.000

NSP1679

20W(1x20W) - 1283lm

1.720.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: H520xL120mm - Trọng lượng: 1.38kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chân cắm bằng nhựa



Warm White 3000K



Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1663

10W(1x10W) - 613lm

1.370.000

NSP1666

15W(1x15W) - 934lm

1.510.000

NSP1669

20W(1x20W) - 1283lm

1.580.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: H210xL120mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chân cắm bằng nhựa



Warm White 3000K

ĐÈN LỐI ĐI



NSL1713 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 4W (5x0.8W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W95xH95xL31mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 185lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc



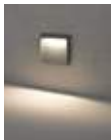
Warm White 3000K

790.000



NSL1711 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 8.8W (11x0.8W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W160xH160xL31mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 472lm - CRI: Ra83
- PF: 0.97 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc



Warm White 3000K

1.440.000



NSL2102 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W40xH40xL50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



Warm White 3000K

610.000



NSL2101 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



Warm White 3000K

570.000



NSL1121A - Đèn LED gắn âm tường chiếu chân

- Công suất 3.6W (12x0.3W)/AC200-240V
- Kích thước: W107xH75xL65mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Kích thước khoét lỗ: W100xH65xL57mm
- Quang thông: 75lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng



Warm White 3000K

840.000



NSL2781 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



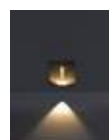
Warm White 3000K

790.000



NSL2782 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W95xH95xL81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



Warm White 3000K

790.000

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



HH-LT033619

- Công suất: 4.7W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 100lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Hộp chân đèn thích hợp nhiều công năng sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000

HH-LT023219

- Công suất: 3.7W/0.06A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L120xW83xH475mm - Trọng lượng: 0.3 kg
- Quang thông: 100lm - 27 lm/W - CRI: Ra80
- 3 mức điều chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Chân đèn có kẹp thích hợp cho nhiều vị trí sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000



Cool Daylight 5700K

NNP60900 (Trắng)
NNP60902 (Xanh)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L325xW280xH150mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

960.000



Neutral Light 4000K

HH-LT062019

- Công suất: 6W/0.05A/AC220-240V
- Kích thước: L177xW177xH468mm - Trọng lượng: 0.86kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng (10% - 100%) bằng cảm ứng
- Đầu đèn có thể xoay 180°, thân đèn gập 45°

1.320.000



Neutral Light 4000K

NNP60940 (Trắng)
NNP60941 (Đen)
NNP60946 (Hồng)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L160xW147xH370mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

1.470.000



Cool Daylight 5000K

NNP61922 (Xanh)
NNP61923 (Bạc)
NNP61925 (Xám)

- Công suất: 6W/AC220-240V
- Kích thước: L436xW160xH160mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 6 cấp độ
- Đầu đèn có thể xoay được 90 độ

1.780.000

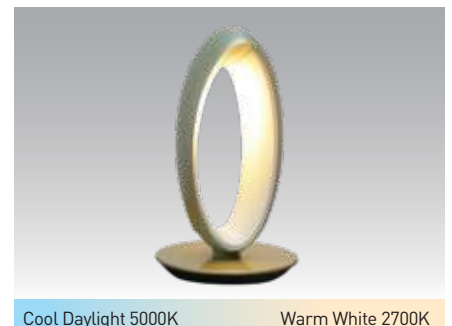


Cool Daylight 6500K

NNP63933 (Bạc)
NNP63934 (Vàng)
NNP63935 (Xám)

- Công suất: 14W (thấp sáng 9W)/sạc điện 5W/AC220-240V
- Kích thước: L210xW140xH480mm - Trọng lượng: 1.46kg
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Cổng USB có thể sử dụng để sạc cho thiết bị điện tử

2.950.000



Cool Daylight 5000K

Warm White 2700K

SQ - LE530K - N (Vàng đồng)
SQ - LE530 - W/ SQ - LE530K - W (Trắng)
SQ - LE530 - H (Xám đậm)

- Công suất: 7W/AC100-240V
- Kích thước: W66 (cần đèn) x H314mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm (2700K) 350lm (5000K) - CRI: Ra83
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 5 cấp độ
- Đổi màu đèn LED bằng cách đóng hoặc mở cần đèn

3.875.000

QUẠT ĐỨNG - Standing fan

QUẠT ĐIỆN CAO CẤP

nanoco

An toàn - Tiện nghi - Hiện đại

Kiểu dáng đẹp mắt
Thiết kế hiện đại, sang trọng

Bền bỉ & Mạnh mẽ
Hiệu suất vận hành mạnh mẽ, tuổi thọ cao

Mát lạnh dễ chịu
Dễ dàng điều chỉnh tốc độ gió với nhiều mức độ

Tiện nghi & Hiện đại
Chọn giờ TẮT với nhiều lựa chọn



NSF1616BL (Màu xanh)
NSF1616BE (Màu be)

- Đường kính cánh 40cm
- Chiều cao quạt 110cm - 130cm
- Công suất 45W
- Có chế độ hẹn giờ

() Dự kiến có hàng từ tháng 4/2019*

410.000



NSF1642BL-RC (Màu xanh)
NSF1642BE-RC (Màu be)

- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 45W
- Có chế độ hẹn giờ
- Có remote

() Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

480.000



NSF1620BL-RC (Màu xanh)
NSF1620BE-RC (Màu be)

- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 45W
- Có chế độ hẹn giờ
- Có remote

() Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

530.000



QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



NWF1604BL (Màu xanh)

- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 45W
- Điều khiển bằng công tắc gạt dây

() Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

340.000



NWF1605G-RC (Màu xám)

- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 45W
- Có chế độ hẹn giờ
- Có remote

() Dự kiến có hàng từ tháng 5/2019*

400.000



QUẠT ĐỨNG - Standing fan



- F - 409KB (Màu xanh)
- F - 409KBE (Màu beige)
- F - 409KMR (Màu đỏ)
- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 128cm - 143cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 63m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

3.680.000



- F - 407WGO (Màu vàng kim)
- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 134 - 157cm
- Công suất 53.5W
- Lưu lượng gió 76m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

3.000.000



- F - 308NHB (Màu xanh)
- F - 308NHP (Màu hồng)
- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 91cm - 105cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 39m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

3.650.000



- F - 307KHB (Màu xanh)
- F - 307KHS (Màu bạc)
- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 66 - 85cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 51m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Màng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

2.550.000

QUẠT BÀN - Desk fan



- F - 400CB (Màu xanh)
- F - 400CI (Màu trắng ngà)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 48W
- Lưu lượng gió 63m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng

1.390.000



- F - 409QB (Màu xanh)
- F - 409QGO (Màu vàng)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 45W
- Lưu lượng gió 79m³/phút
- Quạt đảo 360°
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

2.950.000

QUẠT ĐẢO - Cycle fan



- F - 50YUZ (Màu đen)
- Đường kính quạt 50cm
- Công suất 53 - 63W
- Lưu lượng gió 100m³/phút
- 850 ~ 1230 vòng quay/phút
- Điều khiển quạt bằng công tắc giạt dây
- (*) Dự kiến có hàng từ tháng 4/2019

4.000.000



- F - 409MB (Màu xanh)
- F - 409MG (Màu trắng ngà)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 63m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

2.590.000



- F - 409UB (Màu xanh)
- F - 409UGO (Màu vàng kim)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 47.5W
- Lưu lượng gió 63m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giạt dây

2.090.000

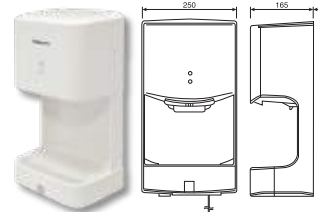
QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan

MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer



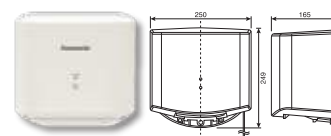
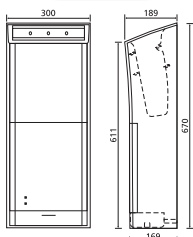
- FJ - T10T1
- Giúp sấy khô nhanh trong 3 - 5 giây với chức năng sấy từ 2 mặt bên và 4 vòi phun
- Công suất 1250W
- Thiết kế sang trọng, hiện đại với màn lọc chống dị ứng và lớp vỏ ngoài kháng khuẩn
- Chế độ gió thường và gió nóng
- Có thể chọn tốc độ gió cao và thấp (High/Low), độ ồn 59dB
- Máy sẽ tự động tắt sau 30 giây hoạt động liên tục
- Đèn LED tín hiệu
- Tiết kiệm điện hiệu quả

19.500.000



- FJ - T09A3 (Có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.050.000



- FJ - T09B3 (Không có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

5.990.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO



GP - 129JXX - SV5

(Dây điện 15cm)

1.470.000

GP - 129JXX - NV5

(Dây điện 160cm + phích cắm)

1.490.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao tối đa 30m



GP - 200JXX - SV5

(Dây điện 15cm)

1.870.000

GP - 200JXX - NV5

(Dây điện 160cm + phích cắm)

1.890.000

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng



GP - 250JXX - SV5

(Dây điện 15cm)

2.970.000

GP - 250JXX - NV5

(Dây điện 160cm + phích cắm)

2.990.000

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng



GP - 350JA - SV5

(Dây điện 15cm)

4.400.000

GP - 350JA - NV5

(Dây điện 120cm + phích cắm)

4.420.000

- Công suất 350W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao tối đa 45m
- Mô tơ dây đồng

MÁY BƠM TĂNG ÁP



A - 130JAK

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao tối đa 27m

2.110.000



A - 200JAK

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng

2.450.000



A - 130JACK

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng

2.540.000



A - 130JTX

(Tính năng tạo bọt khí)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao tối đa 25m
- Mô tơ dây đồng

3.640.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Chiều sâu hút (m)	Độ cao tối đa (m)	Mô tơ dây đồng	Giá bán
GP-10HCN1SVN	740W	10-99	9	34-25	●	5.290.000
GP-15HCN1SVN	1110W	30-145	9	38.7-22	●	7.100.000
GP-20HCN1SVN	1480W	30-154	9	46.2-26	●	8.220.000

⚠ Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



Máy bơm Panasonic

Công Nghệ NHẬT BẢN

Chất Lượng HÀNG ĐẦU



(*) Theo số liệu khảo sát của GfK thực hiện vào tháng 08/2016 tại 5 thành phố lớn và 10 tỉnh thành tại Việt Nam

HIỆU SUẤT MẠNH MẼ - VẬN HÀNH BỀN BỈ

- Vận hành êm ái, tuổi thọ cao
- Tiết kiệm điện năng
- Tự ngắt nguồn điện khi nhiệt độ bơm quá cao
- Giảm thiểu nguy cơ chập điện

MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Loại 3.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 25°C, loại 4.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 20°C

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RL2VH

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

2.990.000

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RP2VK

- Công suất: 3.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.990.000



DH-4RL1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.300.000



DH-4RP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Bơm bảo hành 5 năm
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.200.000



DH-4MS1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.600.000



DH-4MP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.500.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp



DH-4NS3VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.900.000



DH-4NP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.800.000



DH-4NS3VS

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.100.000



DH-4NP1VS

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

6.000.000



Cho ngày hạnh phúc thêm tròn vẹn

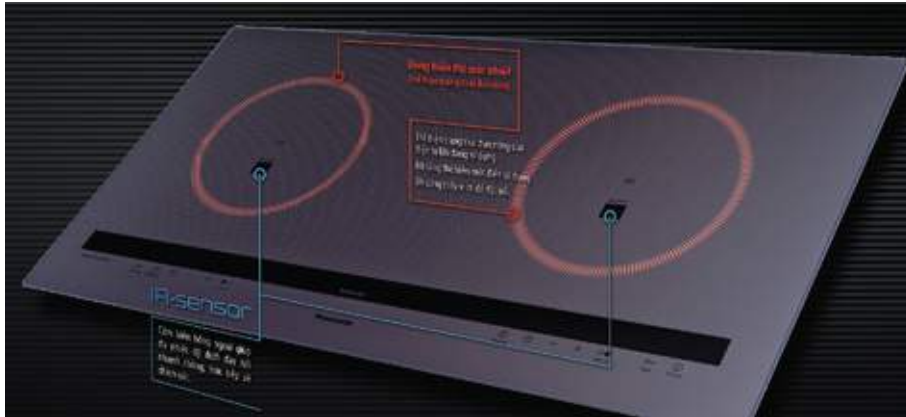


DH-4NTP1VM

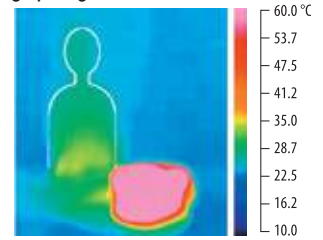
- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới với vỏ cong thanh lịch, sang trọng
- **Ổn định nhiệt độ nước đầu ra vòi sen**
- Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.900.000

BẾP ĐIỆN TỬ



Bếp không bị nóng

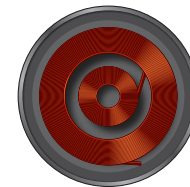


Gian bếp không bị nóng vì bếp từ chỉ làm nóng dụng cụ nấu ăn. Và việc không dùng lửa có nghĩa là bạn có thể thoải mái mở cửa sổ và tận hưởng gió mát.



An toàn

Biểu hiện	Thời gian tắt tự động
Trên bếp không có nồi, đồng thời không ai chạm tay vào nút điều khiển nào	Sau 1 phút [xấp xỉ]
Đun nóng nồi không có thức ăn	Sau 15 phút [xấp xỉ]
Không ai chạm vào bất kỳ nút điều khiển nào	Sau 45 phút [xấp xỉ]



Thiết kế cuộn kép

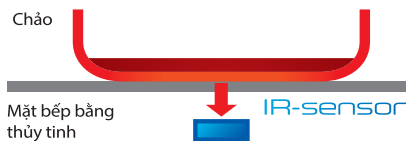
Cấp điện đồng thời cho cả cuộn trong và cuộn ngoài, giúp tạo nhiệt độ đồng đều và ổn định.

Mã sản phẩm	KY-C227D	25.990.000	KY-A227D	22.990.000
Màu mặt trên	Xám		Đen	
Màu thân	Đen		Đen	
Kích thước (mm)	742(R)*400(S)*107(C)			
Kích thước cửa lỗ (mm)	710(R)*368(S)			
Điện vào	2,800W - 13A		2,800W - 13A	
Công suất (tối đa)	Trái 2,800W	Phải 2,800W	Trái 2,800W	Phải 1,800W
Cấp độ điều chỉnh nhiệt	9	9	9	8
Cảm biến hồng ngoại	●	●	●	-
Thực đơn nấu tự động	Rán chảo ít dầu/ Rán chảo nhiều dầu	Nấu cháo	-	Nấu cháo
Vòng hiển thị mức nhiệt	●	●	-	-
Công nghệ ECONAVI	●		-	
Điều khiển	Cảm ứng		Cảm ứng	
Hiển thị mức nhiệt	Số		Số	
Khóa an toàn	●		●	
Đèn báo nhiệt độ cao	●		●	
Chế độ tự động tắt	●		●	
Hẹn giờ	●		●	
Xuất xứ	Nhật Bản		Nhật Bản	

MỚI Tính Năng Mới

CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI

Cảm biến hồng ngoại giúp đo nhiệt độ dưới đáy nồi nhanh chóng, trực tiếp và chính xác.



Xác định chính xác nhiệt độ dưới đáy nồi nhờ cảm biến hồng ngoại.

ECONAVI



Chương trình điều khiển tăng nhiệt độ nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu, duy trì ở mức mong muốn.



Đem lại màu nâu sậm đồng nhất cho món ăn.



Khi thức ăn trong nồi nguội đi, bếp tăng nhiệt nhanh chóng để duy trì nhiệt độ ở mức cần thiết.

Điều chỉnh nhiệt độ chính xác theo cách nấu ăn



QUẠT HÚT MÙI DÙNG ỔNG DẪN - 02 động cơ

Model	FV-70HQ1-S (màu bạc)	FV-70HQ1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)	140	
Lưu lượng gió (CMH)	730	
Độ ồn (dB)	53	
Đường kính lỗ trần (ø)	15 cm	
Cấp tốc độ	2	
Kích thước (mm)	700(L) x 120(H) x 535(D)	
Điều khiển bằng	Cần gạt	
2 động cơ	Hoạt động độc lập	

6.900.000

Model	FV-70HQD1-S (màu bạc)	FV-70HQD1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)	140	
Lưu lượng gió (CMH)	730	
Độ ồn (dB)	53	
Đường kính lỗ trần (ø)	15 cm	
Cấp tốc độ	3	
Kích thước (mm)	700(L) x 120(H) x 535(D)	
Điều khiển bằng	Nút nhấn	
2 động cơ	Hoạt động đồng thời	

7.780.000

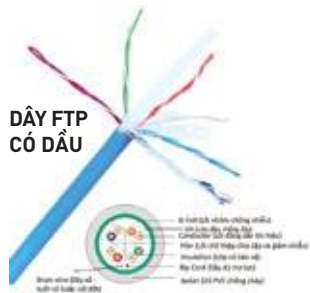
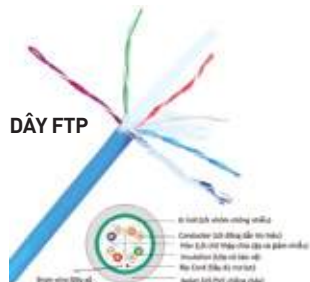
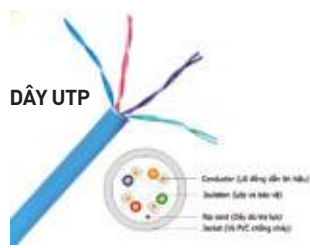


Chiều dài 70cm



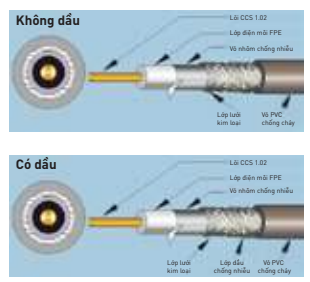
Chiều dài 70cm

DÂY CÁP MẠNG



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây đủ trọng lực	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.51mm 4 Pairs 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.51 CCA	PE 0.91	Có	PVC 5.1	720.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.51 CCA	PE 1.00	Có	PVC 5.1	920.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305 m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	2.500.000
NC5E-F100P	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 24 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.250.000
NC5E-F100 O	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dấu, 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	2.950.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.56 mm 4 Pairs 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.56 CCA	PE 1.02	Có	PVC 6	980.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.56 mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 CCA	PE 1.00	Có	PVC 6.6	1.230.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	3.250.000
NC6-F100P	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	4.000.000
NC6-F100 O	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dấu - 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	3.850.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	620.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	650.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - Có dấu Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	955.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	0.5 CCA	PVC	PVC	450.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

Xuất xứ: Taiwan

Xuất xứ: PRC



FKPT10	10YDS	60.000/cây
FKPT20	20YDS	107.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



FKPC9	9YDS	44.000/cây
FKPC10	10YDS	49.000/cây
FKPC18	18YDS	85.000/cây
FKPC20	20YDS	94.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



T nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/bao	6.600
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/bao	9.900
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/bao	13.500

T nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao 1,000 cái/thùng	1.900
NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao 400 cái/thùng	3.700
NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói 25 cái/bao 250 cái/thùng	5.500
NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói 15 cái/bao 150 cái/thùng	7.700
FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói 10 cái/bao	10.000
FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói 10 cái/bao	12.000

Đầu nối ống mềm PVC



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói 100 cái/bao	9.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/bao	13.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/bao	18.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/bao	27.000

Kẹp đỡ ống



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	900
NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	1.100
NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao; 2,000 cái/thùng	1.900
NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	2.800
FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	3.900

Lò xo uốn ống 750N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M FLXU016M2	Lò xo uốn ống Ø16 - 750N	33.000
FLXU020M FLXU020M2	Lò xo uốn ống Ø20 - 750N	57.000
FLXU025M2	Lò xo uốn ống Ø25 - 750N	64.000
FLXU032M FLXU032M2	Lò xo uốn ống Ø32 - 750N	94.000

Lò xo uốn ống 320N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016L FLXU016L2	Lò xo uốn ống Ø16 - 320N	33.000
FLXU020L FLXU020L2	Lò xo uốn ống Ø20 - 320N	57.000
FLXU025L FLXU025L2	Lò xo uốn ống Ø25 - 320N	64.000
FLXU032L FLXU032L2	Lò xo uốn ống Ø32 - 320N	94.000

Co nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/bao	4.400
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/bao	7.200
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/bao	11.000

Co nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1,500 cái/thùng	1.400
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.200
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.300
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.500
FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	8.800
FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/bao	11.600

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	6.600
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.200
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	7.700
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	6.600
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.200
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	7.700
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	6.600
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.200
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	7.700
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.000

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	6.600
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.200
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	7.700
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	6.600
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.200
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	7.700
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32 Đóng gói 30 cái/thùng	10.000

T nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/bao	6.600
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/bao	9.900
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/bao	13.500

T nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao 1,000 cái/thùng	1.900
NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao 400 cái/thùng	3.700
NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói 25 cái/bao 250 cái/thùng	5.500
NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói 15 cái/bao 150 cái/thùng	7.700
FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói 10 cái/bao	10.000
FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói 10 cái/bao	12.000

Đầu nối ống mềm PVC



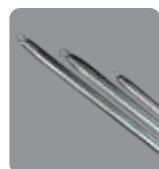
Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói 100 cái/bao	9.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/bao	13.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/bao	18.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/bao	27.000

Kẹp đỡ ống



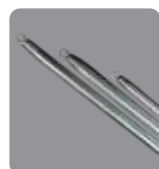
Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	900
NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	1.100
NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao; 2,000 cái/thùng	1.900
NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	2.800
FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	3.900

Lò xo uốn ống 750N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M FLXU016M2	Lò xo uốn ống Ø16 - 750N	33.000
FLXU020M FLXU020M2	Lò xo uốn ống Ø20 - 750N	57.000
FLXU025M2	Lò xo uốn ống Ø25 - 750N	64.000
FLXU032M FLXU032M2	Lò xo uốn ống Ø32 - 750N	94.000

Lò xo uốn ống 320N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016L FLXU016L2	Lò xo uốn ống Ø16 - 320N	33.000
FLXU020L FLXU020L2	Lò xo uốn ống Ø20 - 320N	57.000
FLXU025L FLXU025L2	Lò xo uốn ống Ø25 - 320N	64.000
FLXU032L FLXU032L2	Lò xo uốn ống Ø32 - 320N	94.000

Co nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/bao	4.400
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/bao	7.200
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/bao	11.000

Co nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1,500 cái/thùng	1.400
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.200
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.300
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.500
FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	8.800
FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/bao	11.600

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	6.600
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.200
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	7.700
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	6.600
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.200
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	7.700
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	6.600
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.200
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	7.700
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.000

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	6.600
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.200
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	7.700
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	6.600
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.200
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	7.700
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32 Đóng gói 30 cái/thùng	10.000

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Made in Austria

Phích cắm cao su di động không kín nước Plug (Splashproof)



F0511 - S
- Rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44
- Loại không kín nước

81.000



F0512 - S
- Solid rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44
- Loại không kín nước, chịu va đập

113.000



F1050 - 0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54

68.000



F2510 - S
- Rubber connector (Splashproof) ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP20
- Loại không kín nước

82.000



F106 - 0
- Mouting box (Splashproof IP44)
- Để nối cho ổ cắm âm không kín nước

88.000

Ổ cắm chia 3 ngã loại không kín nước (IP44) Multiple-socket outlet (Splashproof IP44)



F9432006
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.350.000



F9432000
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.170.000



F9430401
Bộ chia ổ cắm PCE
16A 3P 230V

1.000.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67) Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



F61132 - 6
16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.600.000

F61252 - 6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

1.790.000



F75252-6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.070.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) Plug (Splashproof IP44)



F013 - 6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

70.000



F014 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

100.000

F015 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

112.000

F023 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

125.000

F024 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

132.000

F025 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) Connector (Splashproof IP44)



F213 - 6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

100.000



F214 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

125.000

F215 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

155.000

F223 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

152.000

F224 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

175.000

F225 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

222.000

Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44) Wall socket (Splashproof IP44)



F113 - 6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

135.000

F114 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

165.000

F115 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

175.000

F123 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

187.000

F124 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

197.000

F125 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

211.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (Splashproof IP44)



F313 - 6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

140.000

F314 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

156.000

F315 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

F323 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

175.000

F324 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

180.000

F325 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

207.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



F413 - 6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

157.000

F414 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

185.000



F415 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000

F423 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

245.000

F424 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44




270.000

F425 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

295.000



Phích cắm di động loại kín nước (IP67)


Plug (Watertight IP67)

	F0132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	265.000
	F0142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	280.000
	F0152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
	F0232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
	F0242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	345.000
	F0252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	365.000
<hr/>			
	F033 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	740.000
	F034 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	760.000
	F035 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	785.000
	F043 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.420.000
	F044 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.670.000
	F045 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.910.000
<hr/>			
	F0822 - 10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	282.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)




Connector (Watertight IP67)

	F2132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
	F2142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	310.000
	F2152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000
	F2232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	400.000
	F2242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	410.000
	F2252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	445.000
<hr/>			
	F233 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	890.000
	F234 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	910.000
	F235 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	930.000
	F243 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.950.000
	F244 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.060.000
	F245 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.210.000

	F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	353.000
---	--------------------	-----------------------------------	----------------



Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)

Wall socket (Watertight IP67)

	F1132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	407.000
	F1142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
	F1152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	515.000
	F1232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	550.000
	F1242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	590.000
	F1252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	625.000
<hr/>			
	F133 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	980.000
	F134 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.080.000
	F135 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.180.000
<hr/>			
	F143 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.400.000
	F144 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.550.000
	F145 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.700.000


Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)

Flanged socket straight (Watertight IP67)

	F3132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
	F3142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	375.000
	F3152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	400.000
	F3232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
	F3242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	430.000
	F3252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000
<hr/>			
	F333 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	590.000
	F334 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
	F335 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
	F343 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.570.000
	F344 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.680.000
	F345 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.780.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)

Flanged socket sloping (Watertight IP67)

	F4132 - 6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
	F4142 - 6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
	F4152 - 6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	275.000
	F4232 - 6F78	32A - 3P - 230V - 9H - IP67	410.000
	F4252 - 6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000
<hr/>			
	F433 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
	F433 - 6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
	F434 - 6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
	F435 - 6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
<hr/>			
	F443 - 6	125A - 3P - 400V - 6H - IP66/67	1.520.000
	F444 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.670.000
	F445 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.860.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước


Container - Plug and Socket (Watertight IP67)

	F0242 - 3V	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	272.000
<hr/>			
	F1242 - 3V	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	795.000
<hr/>			
	F2242 - 3V	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	390.000
<hr/>			
	F3242 - 3V	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	460.000

Bộ tủ điện phân phối

	NDB313-232	Tủ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	875.000
<hr/>			
	NDB313	Tủ điện phân phối IP44 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	590.000

nanoco Isolator Cầu dao kín nước (IP66)

	NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	240.000
	NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	250.000
	NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	285.000
	NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	300.000
	NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	300.000
	NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	310.000
	NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	355.000
	NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	370.000
	NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	345.000
	NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	360.000
	NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	400.000
	NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	420.000